

UBND THÀNH PHỐ HÀ NỘI
SỞ TÀI CHÍNH



SỔ TAY
CẨM NANG QUẢN LÝ
DỰ ÁN ĐẦU TƯ CÔNG
(Phiên bản 2 – T10.2025)

Hà Nội - 2025

MỤC LỤC

LỜI NÓI ĐẦU	3
PHẠM VI, CÁCH SỬ DỤNG SỔ TAY	4
BẢNG CHỮ VIẾT TẮT	5
PHẦN A	11
TRÌNH TỰ, THỦ TỤC ĐỐI VỚI DỰ ÁN, CÔNG TRÌNH	11
THÔNG THƯỜNG	11
I- Giai đoạn chuẩn bị dự án	12
I.1. Trình tự, thủ tục quyết định chủ trương đầu tư dự án nhóm A, B, C sử dụng vốn ĐTC do địa phương quản lý.....	12
I.2. Trình tự, thủ tục chuẩn bị đầu tư, chuẩn bị dự án.....	14
II- Giai đoạn THDA.....	19
II.1. Trình tự, thủ tục chuẩn bị THDA	19
II.2 Trình tự, thủ tục THDA.....	21
III. Kết thúc xây dựng đưa công trình vào khai thác sử dụng	38
PHẦN B	43
TRÌNH TỰ, THỦ TỤC ĐỐI VỚI DỰ ÁN, CÔNG TRÌNH KHẨN CẤP	43
PHẦN C	47
CÁC PHỤ LỤC KÈM THEO	47
<i>Phụ lục số 1.1</i>	48
BIỂU TỔNG HỢP QUY TRÌNH CÁC BƯỚC LẬP, THẨM ĐỊNH VÀ GIAO KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN CỦA ĐỊA PHƯƠNG THEO PHÁP LUẬT ĐẦU TƯ CÔNG	48
<i>Phụ lục số 1.2</i>	53
BIỂU TỔNG HỢP QUY TRÌNH CÁC BƯỚC LẬP, THẨM ĐỊNH VÀ GIAO KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG HÀNG NĂM CỦA ĐỊA PHƯƠNG THEO PHÁP LUẬT ĐẦU TƯ CÔNG	53
<i>Phụ lục số 1.3</i>	56
CÁC CƠ CHẾ THANH TOÁN LINH HOẠT KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ CÔNG HÀNG NĂM.....	56
Phụ lục 2	60
TRÌNH TỰ GIẢI PHÓNG MẶT BẰNG	60
Phụ lục 3	66
QUY TRÌNH LỰA CHỌN NHÀ THẦU	66

LỜI NÓI ĐẦU

Hà Nội là Thủ đô nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, có diện tích tự nhiên 3358,6 km²; là trung tâm chính trị - hành chính quốc gia, nơi đặt trụ sở của các cơ quan trung ương của Đảng, Nhà nước và các tổ chức chính trị - xã hội, cơ quan đại diện ngoại giao, tổ chức quốc tế; là trung tâm lớn về văn hóa, giáo dục, khoa học và công nghệ, kinh tế và giao dịch quốc tế của cả nước. Thủ đô Hà Nội nằm về phía Tây bắc của trung tâm vùng Đồng bằng châu thổ sông Hồng, tiếp giáp với 5 tỉnh, thành phố là Thái Nguyên, Phú Thọ, Bắc Ninh, Hưng Yên và Ninh Bình. Hà Nội có 126 đơn vị hành chính cấp xã.

Trong những năm vừa qua, thành phố Hà Nội đã ưu tiên tập trung nguồn lực để đầu tư hệ thống kết cấu hạ tầng, góp phần phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng - an ninh trên địa bàn, trong đó luôn quan tâm chỉ đạo việc thực hiện quy trình, trình tự, thủ tục trong đầu tư xây dựng cơ bản nhằm tuân thủ các quy định của pháp luật và cải cách thủ tục hành chính trong quá trình thực hiện. Tuy nhiên, việc quản lý, thực hiện đầu tư xây dựng công trình, dự án đầu tư nói chung và thực hiện công trình theo lệnh khẩn cấp nói riêng của một số cơ quan, đơn vị còn lúng túng. Để giúp cho các cấp, các ngành, các Ban quản lý dự án chuyên ngành, Ban quản lý dự án khu vực nghiên cứu và nắm được trình tự, thủ tục trong đầu tư xây dựng theo quy định của pháp luật hiện hành khi thực hiện của một dự án đầu tư công trên địa bàn thuộc Thành phố quản lý, nhóm tác giả của Sở Kế hoạch và Đầu tư (trước đây) đã nghiên cứu, biên soạn và cung cấp các thông tin cần thiết trong cuốn Sổ tay hướng dẫn về quy trình, thủ tục thực hiện dự án đầu tư công thông thường và dự án đầu tư công khẩn cấp để các sở, ban, ngành, UBND cấp huyện, cấp xã của Thành phố tham khảo, tổ chức thực hiện.

Với sự phối hợp của các sở, ban, ngành và một số quận, huyện, Cuốn Sổ tay cẩm nang quản lý dự án đầu tư công của Thành phố Hà Nội đã hoàn thành và ban hành phiên 1 vào tháng 4 năm 2024.

Thực hiện chủ trương sắp xếp, tổ chức bộ máy chính quyền địa phương 02 cấp từ ngày 01/7/2025, Thành phố Hà Nội đã giải thể chính quyền 30 quận, huyện và sắp xếp lại thành 126 xã, phường, gồm 77 xã và 49 phường. Hai đơn vị chủ lực tham mưu cho chính quyền cấp xã về công tác kế hoạch và đầu tư là Phòng Kinh tế (đối với xã)/Phòng Kinh tế - Hạ tầng và Đô thị (đối với phường) và Ban quản lý dự án đầu tư - hạ tầng xã, phường. Nguồn nhân lực cho 02 đơn vị nêu của mỗi xã, phường chủ yếu từ nguồn CBCC, VC cấp huyện và cấp xã trước đây; trình độ chuyên môn, năng lực kinh nghiệm của đội ngũ này không đồng đều và nhiều đơn vị còn hạn chế. Trong bối cảnh hệ thống các VBQPPL của trung ương vừa qua từ Luật, Nghị định đến Thông tư liên tục được sửa đổi, bổ sung, trong đó có các lĩnh vực về ngân sách, đầu tư công, xây dựng và đất đai...nên việc cập nhật các quy định mới để chuẩn hóa quy trình, thủ tục triển khai của một dự án đầu tư công làm cẩm nang cho các sở, ban, ngành và nhất là 126 xã, phường của Thành phố phục vụ hoạt động quản lý dự án đầu tư công là hết sức cần thiết và hữu ích.

Hy vọng rằng, với phiên bản lần 2 cùng hệ thống các VBQPPL về quản lý ngân sách, đầu tư công và pháp luật có liên quan, cuốn “Sổ tay cẩm nang quản lý dự án đầu tư công của thành phố Hà Nội” sẽ là một tài liệu hữu ích giúp cho các cơ quan, đơn vị nắm được đầy đủ quy trình tổ chức triển khai thực hiện dự án đầu tư công.

Xin trân trọng cảm ơn!

PHẠM VI, CÁCH SỬ DỤNG SỔ TAY

1. Phạm vi: Sổ tay hướng dẫn này mô tả trình tự, thủ tục đầu tư đối với các dự án sử dụng vốn đầu tư công trong trường hợp bình thường và dự án đầu tư công trong trường hợp khẩn cấp (*Sổ tay hướng dẫn này không áp dụng đối với các dự án sử dụng nguồn vốn thường xuyên và các nguồn vốn khác*).

2. Cách sử dụng sổ tay: Tất cả các thủ tục hành chính thực hiện dự án được minh họa bằng sơ đồ tổng quát và các bước thực hiện trong các giai đoạn được thể hiện theo quy trình chi tiết nhằm thể hiện chi tiết một cách tổng quan toàn bộ quá trình thực hiện dự án. Đối với phần hồ sơ mẫu được cập nhật trên cơ sở các mẫu được ban hành kèm theo các quy định của pháp luật được cụ thể hóa, chi tiết tại các mẫu trong cuốn sổ tay này. Các cơ quan, đơn vị có thể tham khảo tại cuốn Sổ tay hướng dẫn này để đảm bảo đầy đủ các nội dung theo quy định.

Sổ tay này sẽ hướng dẫn đối với dự án đầu tư công trong trường hợp bình thường và quản lý đầu tư đối với công trình khẩn cấp, trong đó dự án đầu tư công trong giai đoạn bình thường được chia thành 03 giai đoạn đầu tư theo quy định tại khoản 1 Điều 4 Nghị định số 15/2021/NĐ-CP của Chính phủ như sau:

a) Giai đoạn chuẩn bị dự án gồm các công việc: Khảo sát xây dựng; lập, thẩm định Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi, quyết định hoặc chấp thuận chủ trương đầu tư (nếu có); lập, thẩm định, phê duyệt QHCT xây dựng phục vụ lập BCNCKT đầu tư xây dựng của Dự án; lập, thẩm định BCNCKT để phê duyệt/quyết định đầu tư Dự án và thực hiện các công việc cần thiết khác liên quan đến chuẩn bị dự án.

b) Giai đoạn thực hiện dự án gồm các công việc: Chuẩn bị mặt bằng xây dựng, rà phá bom mìn (nếu có); khảo sát xây dựng; lập, thẩm định, phê duyệt thiết kế, dự toán xây dựng; lựa chọn nhà thầu và ký kết hợp đồng xây dựng; thi công xây dựng công trình; giám sát thi công xây dựng; tạm ứng, thanh toán khối lượng hoàn thành; vận hành, chạy thử; nghiệm thu hoàn thành công trình xây dựng; bàn giao công trình đưa vào sử dụng và các công việc cần thiết khác.

c) Giai đoạn kết thúc xây dựng gồm các công việc: Quyết toán hợp đồng xây dựng, quyết toán dự án hoàn thành, xác nhận hoàn thành công trình, bảo hành công trình xây dựng, bàn giao các hồ sơ liên quan và các công việc cần thiết khác.

Sổ tay hướng dẫn để cung cấp thông tin chung trong suốt chu kỳ hoạt động của dự án. Tùy theo từng dự án sẽ xem xét thực hiện một, một số hoặc tất cả các thủ tục theo trình tự các bước và có thể thực hiện đồng thời các thủ tục trong dự án đầu tư công khẩn cấp và dự án đầu tư công thông thường.

Sổ tay hướng dẫn là một nguồn tham khảo về trình tự, thủ tục các dự án sử dụng vốn đầu tư công giúp cho các cơ quan, đơn vị dễ dàng tra cứu trong quá trình triển khai thực hiện. Quá trình thực hiện cần rà soát tuân thủ các quy định hiện hành để đảm bảo đáp ứng đầy đủ quy trình, thủ tục triển khai 02 Dự án đầu tư công theo quy định của pháp luật. Các nội dung khác không đề cập trong cuốn Sổ tay này thì được thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành.

Trong quá trình thực hiện, nếu các văn bản được dẫn chiếu để áp dụng trong quy định này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế bằng các văn bản mới thì các nội dung được dẫn chiếu áp dụng theo các văn bản mới đó.

BẢNG CHỮ VIẾT TẮT

STT	Nội dung	Chữ viết tắt
1	An ninh trật tự	ANNT
2	An toàn giao thông	ATGT
3	Ban quản lý dự án	BQLDA
4	Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi	BCNCKTKT
5	Báo cáo nghiên cứu khả thi	BCNCKT
6	Báo cáo đánh giá tác động môi trường	BC ĐTM
7	Báo cáo Kinh tế - Kỹ thuật	BCKT-KT
8	Báo cáo thẩm định	BCTĐ
9	Bồi thường, Hỗ trợ và Tái định cư	BT,HT&TĐC
10	Bảo vệ môi trường	BVMT
11	Biên bản	BB
12	Biên bản mở thầu	BBMT
13	Căn hộ chung cư	CHCC
14	Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy	CSPCCC
15	Chất lượng công trình	CLCT
16	Chủ trương đầu tư	CTrĐT
17	Chủ đầu tư	CĐT
18	Chuẩn bị đầu tư	CBĐT
19	Chuẩn bị dự án	CBDA
20	Công An	CA
21	Công trình	CT
22	Công trình xây dựng	CTXD
23	Cơ quan	CQ
24	Cứu hộ, cứu nạn	CHCN
25	Danh sách xếp hạng	DSXH
26	Danh sách nhà thầu	DSNT
27	Dịch vụ công	DVC
28	Doanh nghiệp	DN
29	Dự án	DA
30	Dự toán	DT
31	Dự toán công trình	DTCT
32	Đánh giá hồ sơ dự thầu	ĐGHSĐT
33	Đánh giá tác động môi trường	ĐTM
34	Đấu thầu không qua mạng	ĐTKQM
35	Đấu thầu qua mạng	ĐTQM
36	Đấu thầu trong nước	ĐTTN
37	Đấu thầu quốc gia	ĐTQG

STT	Nội dung	Chữ viết tắt
38	Đấu thầu quốc tế	ĐTQT
39	Đầu tư công	ĐTTC
40	Đầu tư xây dựng	ĐTXD
41	Đơn vị tư vấn	ĐVTV
42	Giám sát, đánh giá	GSDG
43	Giải phóng mặt bằng	GPMB
44	Hạ tầng kỹ thuật	HTKT
45	Hạng mục công trình	HMCT
46	Hệ thống giao thông	HTGT
47	Hệ thống mạng	HTM
48	Hồ sơ yêu cầu	HSYC
49	Hồ sơ mời thầu	HSMT
50	Hồ sơ mời sơ tuyển	HSMST
51	Hồ sơ dự sơ tuyển	HSDST
52	Hồ sơ đề xuất	HSĐX
53	Hồ sơ dự thầu	HSDT
54	Hồ sơ thiết kế	HSTK
55	Hạ tầng kỹ thuật	HTKT
56	Hợp đồng	HĐ
57	Hội đồng nhân dân	HĐND
58	Hội đồng thẩm định	HĐTD
59	Kế hoạch	KH
60	Kế hoạch và Đầu tư	KH&ĐT
61	Kế hoạch lựa chọn nhà thầu	KHLCNT
62	Kết quả thẩm định	KQTĐ
63	Kết quả chỉ định thầu	KQCĐT
64	Khảo sát, đo đạc	KSĐĐ
65	Khảo sát, thiết kế	KSTK
66	Khảo sát xây dựng	KSXĐ
67	Kho bạc nhà nước	KBNN
67	Kinh tế - kỹ thuật	KT-KT
68	Lựa chọn nhà thầu	LCNT
69	Làm việc	l/v
70	Năng lực kinh nghiệm	NLKN
71	Ngân sách nhà nước	NSNN
72	Phương án	PA
73	Quan trọng quốc gia	QTQG
74	Quản lý chất lượng	QLCT
75	Quản lý dự án	QLDA

STT	Nội dung	Chữ viết tắt
76	Quản lý đô thị	QLĐT
77	Quản lý nhà nước	QLNN
78	Quản lý sử dụng	QLSD
79	Quốc phòng	QP
80	Quốc phòng an ninh	QPAN
81	Quy hoạch	QH
82	Quy hoạch Kiến trúc	QHKT
83	Quyết toán	QT
84	Sở Xây dựng	SXD
85	Tái định cư	TĐC
86	Tài chính	TC
87	Tài chính - Kế hoạch	TC-KH
88	Tài khoản	TK
89	Tài nguyên và Môi trường	TN&MT
90	Tài sản	TS
91	Tài sản công	TSC
92	Thanh lý tài sản	TLTS
93	Thanh lý tài sản	TLTSC
94	Thanh toán	TT
95	Thiết kế cơ sở	TKCS
96	Thiết kế dự toán	TKDT
97	Thiết kế xây dựng	TKXD
98	Thông báo	TB
99	Thông báo mời thầu	TBMT
100	Thực hiện dự án	THDA
101	Tổng mức đầu tư	TMĐT
102	Tư vấn thiết kế	TVTK
103	Ủy ban nhân dân	UBND
104	Ủy ban Mặt trận Tổ quốc	UBMTTQ
105	Ủy quyền	UQ
106	Xây dựng công trình	XDCT
107	Yêu cầu kỹ thuật	YCKT
108	Vốn đầu tư	VĐT
II	Viết tắt tên các VBQPPL	
1	Luật Đầu tư công số 58/2024/QH15	Luật ĐTC số 58
2	Luật Đấu thầu năm 2023	Luật ĐT năm 2013

STT	Nội dung	Chữ viết tắt
3	Luật số 57/2024/QH15 ngày 29 tháng 11 năm 2024 của Quốc hội sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quy hoạch,...và luật Đấu thầu.	Luật số 57
4	Luật số 90/2025/QH15 ngày 25 tháng 6 năm 2025 của Quốc hội sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đấu thầu, ...Luật Quản lý, sử dụng tài sản công	Luật số 90
5	Luật Đất đai số 43/2024/QH15	Luật ĐĐ năm 2024
6	Luật Xây dựng năm 2014	Luật XD năm 2014
7	Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng số 62/2020/QH14	Luật XD số 62
8	Nghị định số 102/2024/NĐ-CP 30/7/2024 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đất đai	NĐ số 102
9	Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26 tháng 01 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây	NĐ số 06
10	Nghị định số 10/2021/NĐ-CP ngày 09 tháng 02 năm 2021 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng	NĐ số 10
11	Nghị định số 35/2023/NĐ-CP ngày 20 tháng 6 năm 2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng	NĐ số 35
12	Nghị định số 11/2020/NĐ-CP ngày 20 tháng 01 năm 2020 của Chính phủ quy định về thủ tục hành chính thuộc lĩnh vực Kho bạc Nhà nước	NĐ số 11
13	Nghị định số 175/2024/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định một số điều và biện pháp thi hành Luật Xây dựng về quản lý hoạt động xây dựng	NĐ số 175
14	Nghị định số 214/2025/NĐ-CP ngày 04 tháng 8 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu	NĐ số 214
15	Nghị định số 37/2015/NĐ-CP ngày 22 tháng 4 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết về hợp đồng xây dựng	NĐ số 37
16	Nghị định số 50/2021/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2021 của Chính phủ v/v sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2015/NĐ-CP ngày 22/4/2015 của Chính phủ quy định chi tiết về hợp đồng xây dựng	NĐ số 50

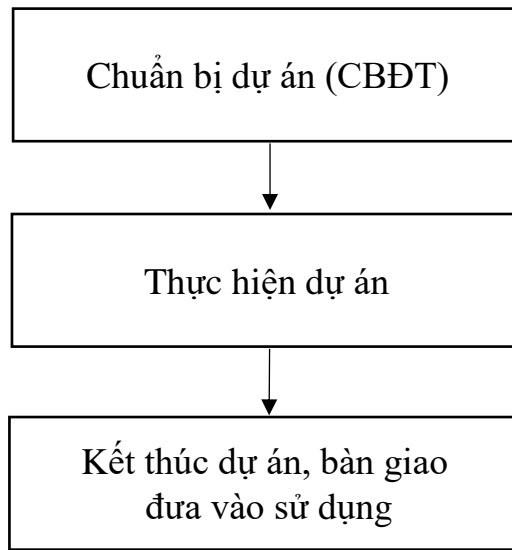
STT	Nội dung	Chữ viết tắt
17	Nghị định số 85/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Đầu tư công	NĐ số 85
18	Nghị định số 275/2025/NĐ-CP ngày 18 tháng 10 năm 2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 85/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Đầu tư công	NĐ số 275
19	Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều, khoản của Luật Đất đai số 43/2024/QH15	NĐ số 43
20	Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ quy định ban hành quy định về bồi thường, hỗ trợ; tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất.	NĐ số 47
21	Nghị định số 151/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp, phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực đất đai.	NĐ số 151
22	Nghị định số 254/2025/NĐ-CP ngày 26 tháng 9 năm 2025 của Chính phủ quy định về quản lý, thanh toán, quyết toán dự án sử dụng vốn đầu tư công	NĐ số 254
23	Nghị định số 105/2020/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2025 quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng cháy và chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ	NĐ số 105
24	Thông tư số 79/2025/TT-BTC ngày 04 tháng 08 năm 2025 hướng dẫn việc cung cấp, đăng tải thông tin về LCNT thầu và mẫu hồ sơ đấu thầu trên Hệ thống mạng đấu thầu QG.	TT số 79
25	Thông tư số 80/2025/TT-BTC ngày 08 tháng 9 năm 2025 của Bộ Tài chính quy định chi tiết mẫu hồ sơ yêu cầu, báo cáo đánh giá, báo cáo thẩm định, kiểm tra, báo cáo tình hình thực hiện hoạt động đấu thầu.	TT số 80
26	Thông tư số 02/2023/TT-BXD ngày 3 tháng 3 năm 2023 của Bộ Xây dựng hướng dẫn một số nội dung về hợp đồng xây dựng	TT số 02
27	Thông tư số 05/2023/TT-BKHĐT ngày 30/6 /2023 quy định về mẫu báo cáo giám sát, đánh giá đầu tư; chế độ báo cáo trực tuyến và quản lý vận hành Hệ thống thông tin về giám sát, đánh giá đầu tư chương trình, dự án đầu tư sử dụng vốn nhà nước	TT số 05

STT	Nội dung	Chữ viết tắt
28	Thông tư số 91/2025/TT-BTC ngày 26 tháng 9 năm 2025 của Bộ Tài chính Quy định về hệ thống biểu mẫu sử dụng trong công tác quyết toán	TT số 91 BTC
29	Thông tư số 18/2020/TT-BTC ngày 31/3/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành hướng dẫn đăng ký và sử dụng tài khoản tại Kho bạc Nhà nước (KBNN)	TT số 18
30	Thông tư số 185/2015/TT-BTC ngày 17/11/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành hướng dẫn đăng ký, cấp và sử dụng mã số đơn vị có quan hệ với ngân sách.	TT số 185
31	Thông tư số 123/2014/TT-BTC hướng dẫn tổ chức vận hành, khai thác Hệ thống thông tin quản lý Ngân sách và Kho bạc (TABMIS)	TT số 123
32	Quyết định số 56/2024/QĐ-UBND ngày 06/9/2024 của UBND Thành phố Hà Nội ban hành quy định một số nội dung về bồi thường, hỗ trợ và tía định cư khi nhà nước thu hồi đất trên địa bàn thành phố Hà Nội	QĐ số 56
33	Quyết định số 08/2022/QĐ-UBND ngày 10 tháng 02 năm 2022 của UBND Thành phố Hà Nội vv ban hành Quy định phân công tổ chức giám sát, đánh giá chương trình, dự án đầu tư của thành phố Hà Nội	QĐ số 08
34	Quyết định số 15/2022/QĐ-UBND ngày 30 tháng 3 năm 2022 của UBND Thành phố Hà Nội về việc ban hành Quy định một số nội dung quản lý chương trình, dự án đầu tư công của thành phố Hà Nội	QĐ số 15

PHẦN A

TRÌNH TỰ, THỦ TỤC ĐỐI VỚI DỰ ÁN, CÔNG TRÌNH THÔNG THƯỜNG

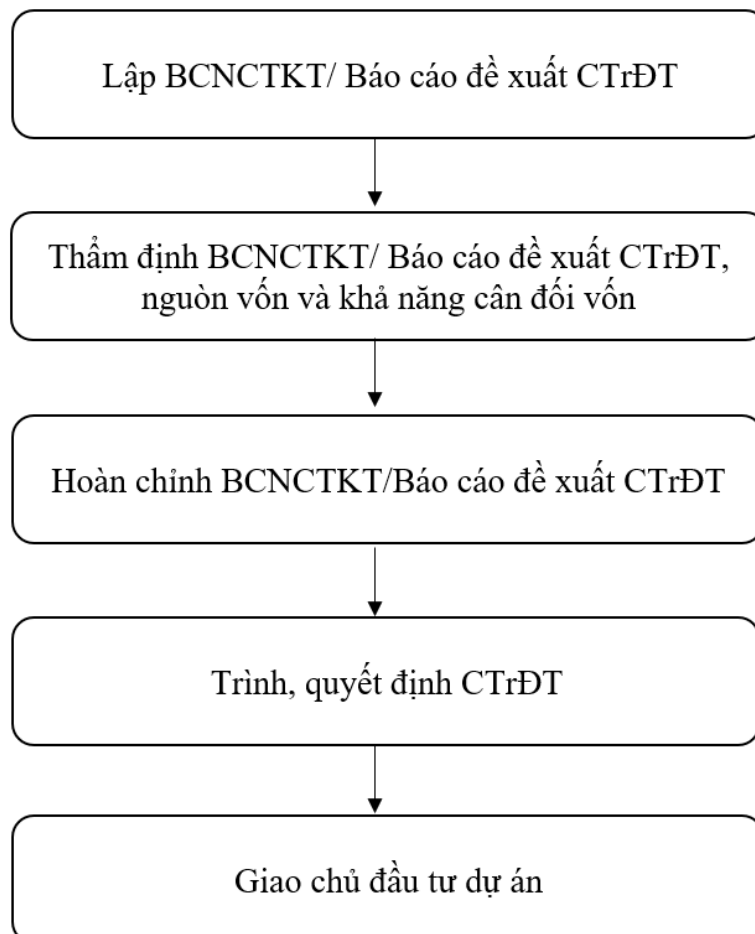
*Sơ đồ tổng quát



I- Giai đoạn chuẩn bị dự án

I.1. Trình tự, thủ tục quyết định chủ trương đầu tư dự án nhóm A, B, C sử dụng vốn ĐTC do địa phương quản lý

1. Sơ đồ tổng quát



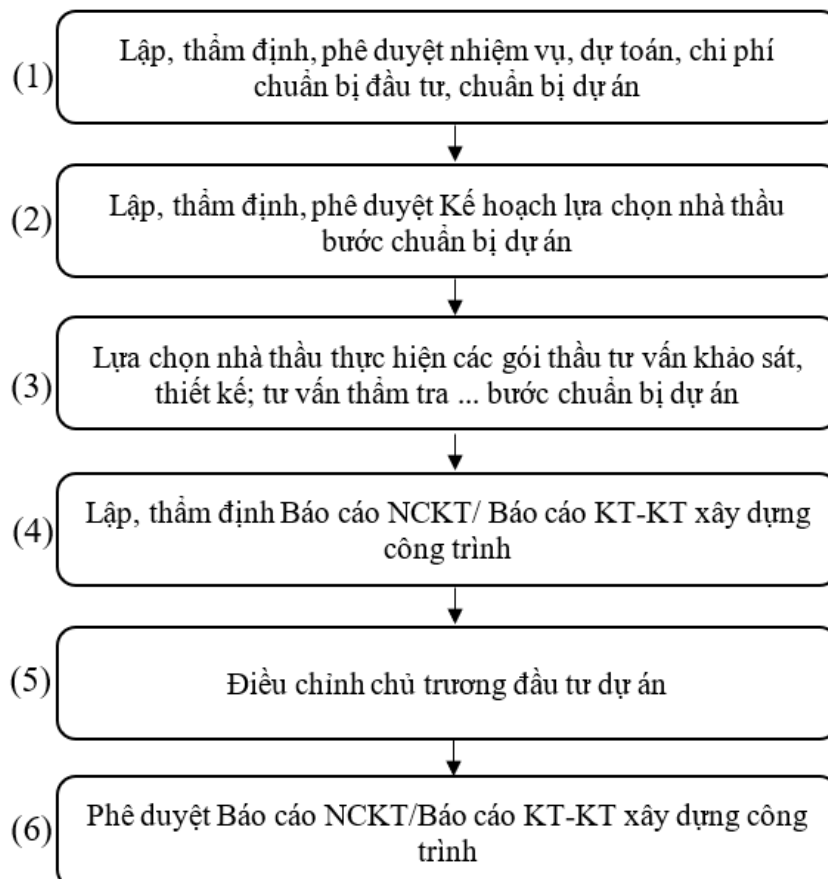
2. Quy trình chi tiết

TT	Nội dung thực hiện	Đơn vị thực hiện	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
Bước 1: Lập BCNCKTK/ Báo cáo đề xuất CTrĐT				
1	Giao đơn vị trực thuộc bao gồm cả đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc hoặc Ủy ban nhân dân cấp xã lập báo cáo nghiên cứu tiền khả thi/ Báo cáo đề xuất CTrĐT	Chủ tịch UBND các cấp	Khoản 10, 12 Đ7 Luật số 90 năm 2025	
2	Lập BCNCKTK /Báo cáo đề xuất CTrĐT, thành phần hồ sơ như sau: - Tờ trình đề nghị cấp có thẩm quyền quyết định CTrĐT; - BCNCKTK dự án nhóm A/Báo cáo đề xuất CTrĐT chương trình, dự án nhóm B, C theo nội dung tại Điều 34, Điều 35 Luật ĐTC số 58/2024/QH15 - Các tài liệu khác (nếu có).	Đơn vị trực thuộc, bao gồm cả đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc hoặc UBND cấp xã	- Các điều 34, 35 Luật ĐTC số 58; - K1 Điều 11 NĐ số 85.	
Bước 2: Thẩm định BC NCKTK/ Báo cáo đề xuất CTrĐT, nguồn vốn và khả năng cân đối vốn				
1	- Thành lập Hội đồng thẩm định hoặc giao đơn vị có chức năng để thẩm định báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư dự án thuộc cấp mình quản lý:	Chủ tịch UBND các cấp	Điểm b K1 các điều 25, 28 Luật ĐTC số 58	
2	- Tiếp nhận, xin ý kiến các cơ quan, đơn vị có liên quan và tổng hợp, thẩm định BCNCKTK đối với DA nhóm A, nguồn vốn và khả năng cân đối vốn.	Hội đồng thẩm định (Cơ quan thường trực là Sở Tài chính)	Điểm b K1 Điều 25 Luật ĐTC số 58	
	- Tiếp nhận, xin ý kiến các cơ quan, đơn vị có liên quan và tổng hợp, thẩm định Báo cáo đề xuất CTrĐT đối với DA nhóm B, C, nguồn vốn và khả năng cân đối vốn, sử dụng vốn ĐTC do địa phương quản lý. *Lưu ý nội dung thẩm định, nội dung đánh giá sơ bộ ĐTM được thẩm định đồng thời với việc thẩm định hồ sơ đề nghị quyết định CTrĐT.	Hội đồng thẩm định/ Đơn vị có chức năng	Điểm b K1 Điều 28 Luật ĐTC số 58	
3	* Thời gian thẩm định: - DA nhóm A: Không quá 30 ngày; - DA nhóm B, C: Không quá 20 ngày.		K3 Đ11 NĐ số 85 K5 Đ11 NĐ số 85	
Bước 3: Hoàn chỉnh BCNCKTK (NCKTK)/ Báo cáo đề xuất CTrĐT				
1	Hoàn chỉnh BCNCKTK/ Báo cáo đề xuất CTrĐT theo ý kiến của Hội đồng thẩm định/ đơn vị có chức năng	Đơn vị trực thuộc bao gồm cả đơn vị SNCL lập trực thuộc hoặc UBND cấp xã	Điểm c K1 các điều 25, 28 Luật ĐTC số 58	

TT	Nội dung thực hiện	Đơn vị thực hiện	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
Bước 4: Quyết định CTrĐT				
1	Trình duyệt quyết định CTrĐT, thành phần hồ sơ: - Tờ trình đề nghị cấp có thẩm quyền quyết định CTrĐT; - BCNCKT nhóm A/ Báo cáo đề xuất CTrĐT dự án nhóm B, nhóm C; - Báo cáo thẩm định CTrĐT dự án. - Các tài liệu liên quan khác (nếu có).	Hội đồng thẩm định/ Đơn vị có chức năng; UBND các cấp	- K2 các điều 25, 28 Luật ĐTC số 58. - Đ12 NĐ số 85.	
2	Quyết định phê duyệt BCNCKT, Quyết định phê duyệt CTrĐT dự án nhóm B, nhóm C	HĐND Thành phố đối với dự án nhóm A/UBND các cấp đối với dự án nhóm B,C thuộc cấp mình quản lý		
	* Thời gian quyết định: - DA nhóm B, C: ≤ 05 ngày l/v. - DA nhóm A do HĐND TP quyết định CTrĐT, T/g quyết định CTrĐT phù hợp với chương trình kỳ họp.		K2 Đ12 NĐ số 85.	
Bước 5: Giao CĐT dự án				
1	Giao CĐT dự án	Người quyết định đầu tư	K4 Đ1 Luật số 62	

I.2. Trình tự, thủ tục chuẩn bị đầu tư, chuẩn bị dự án

1. Sơ đồ tổng quát



2. Quy trình chi tiết

TT	Nội dung thực hiện	Đơn vị thực hiện	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
Bước 1: Lập, thẩm định, phê duyệt nhiệm vụ, dự toán chi phí CBĐT, CBDA				
1	Đối với dự án ĐTC không có cấu phần xây dựng			
1.1	Lập dự toán nhiệm vụ chuẩn bị đầu tư, nhiệm vụ quy hoạch	CQ, tổ chức được giao nhiệm vụ CBĐT, nhiệm vụ quy hoạch	Điểm a k2 Điều 44 Luật ĐTC số 58	Điểm đ K2 Điều 44 Luật ĐTC số 58 ...phân cấp cho Người đứng đầu CQ, ĐV trực thuộc tổ chức lập, thẩm và P/duyet
1.2	Thẩm định dự toán nhiệm vụ chuẩn bị đầu tư, nhiệm vụ quy hoạch: - Tờ trình đề nghị thẩm định; - Hồ sơ dự toán nhiệm vụ chuẩn bị đầu tư, nhiệm vụ quy hoạch; - Các tài liệu khác có liên quan (nếu có).	HĐTĐ hoặc CQ chuyên môn quản lý ĐTC	Điểm b, c K2 Điều 44 Luật ĐTC số 58	
1.3	Phê duyệt dự toán nhiệm vụ chuẩn bị đầu tư, nhiệm vụ quy hoạch. * Thành phần hồ sơ gồm: - Tờ trình; - Hồ sơ; - Báo cáo thẩm định dự toán nhiệm vụ CBĐT, nhiệm vụ quy hoạch; - Các tài liệu khác có liên quan.	Chủ tịch UBND các cấp	Điểm d K2 Điều 44 Luật ĐTC số 58	
2	Đối với dự án ĐTC có cấu phần xây dựng			
2.1	Lập hồ sơ trình, bao gồm các chi phí: K SXD; lập, thẩm định BCNCTKT, Báo cáo đề xuất CTrĐT (nếu có); lập, thẩm định BCNCKT, BC KT-KT và các công việc cần thiết khác liên quan đến CBDA.	CQ, tổ chức được giao NV CBDA hoặc CĐT (trong trường hợp đã xác định được CĐT)	K1, 2 Điều 10 NĐ số 10.	
2.2	Thẩm định chi phí CBDA, cụ thể: - Tờ trình đề nghị thẩm định; - Hồ sơ DTCP CBĐT, CBDA - Các tài liệu khác có liên quan			
2.3	Phê duyệt nhiệm vụ, dự toán chi phí CBĐT, CBDA			
3	Đối với DA QTQG sử dụng vốn ĐTC; Dự toán thuê TV nước ngoài thực hiện công việc CBDA đầu tư			
3.1	Lập hồ sơ trình, bao gồm các chi phí: K SXD; lập, thẩm định BCNCTKT, lập, thẩm định BCNCKT, và các công việc cần thiết khác liên quan đến CBDA.)	Đơn vị trực thuộc	- K3, 4 Điều 10; K4 Điều 32 NĐ số 10.	Điểm d K1 Điều 12 NĐ 144 năm 2025 cho CQ..,CĐT lập, thẩm và phê duyệt
3.2	Thẩm định	Hội đồng thẩm định	- K1,2 Điều 44 Luật ĐTC số 58;	
3.3	Phê duyệt	Thủ tướng Chính phủ	- K2 Điều 12 Quy định của QĐ số 15.	
Bước 2: Lập, thẩm định, phê duyệt KHLCNT bước CBĐT, CBDA (đối với các gói thầu cần thực hiện trước khi phê duyệt dự án)				

TT	Nội dung thực hiện	Đơn vị thực hiện	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
1	Lập Tờ trình phê duyệt KH LCNT - Căn cứ lập KH LCNT; - Nội dung KH LCNT; - Tài liệu kèm theo VB trình	Đơn vị thuộc CĐT (Đơn vị được giao nhiệm vụ CBDA trường hợp chưa xác định được CĐT)	- Đ37; K1 Đ38; Đ 39 Luật ĐT năm 2023; - K2 Đ4 TT số 79	
2	Phê duyệt KH LCNT * Người có thẩm quyền quy định thời gian phê duyệt (quy định cũ tối đa 10 ngày)	CĐT (hoặc người đứng đầu đơn vị được giao nhiệm vụ CBDA)	- Đ39; K2 Đ40 Luật ĐT năm 2023; - K2 Đ4 TT số 79	
3	Đăng tải quyết định phê duyệt KH LCNT * Lưu ý thời gian đăng tải lên Hệ thống mạng ĐTQG không muộn hơn 05 ngày l/v, kể từ ngày VB được ban hành.	Người được giao thực hiện công trình (CĐT)	Điểm a, K1; K4 Đ 8 Luật ĐT năm 2023	
Bước 3: LCNT khảo sát, thiết kế; tư vấn thẩm tra... bước CBĐT, CBDA				
1	LCNT tư vấn theo KHLCNT được phê duyệt và Quy trình các bước thực hiện theo hướng dẫn tại Phụ lục số 1.			
Bước 4: Lập, thẩm định, phê duyệt BCNCKT, Hồ sơ TKCS và BCKT-KT XDCT				
1	Tổ chức KSĐĐ	CĐT, Đơn vị TVKS		
2a	Lập, thẩm định, phê duyệt chỉ giới đường đỏ/ cung cấp thông tin, chỉ giới đường đỏ, cung cấp số liệu HTKT (Khu vực chưa có QHCT tỷ lệ 1/500)	CĐT, Viện Quy hoạch - Xây dựng HN		
2b	Cung cấp thông tin chỉ giới đường đỏ; cung cấp số liệu HTKT (Khu vực đã có QHCT tỷ lệ 1/500)	Sở QHKT, UBND cấp xã		
3	Chấp thuận QH TMB	Sở QHKT, UBND cấp xã		
4a	Thi tuyển PA kiến trúc (nếu có)	CĐT, Hội đồng tổ chức thi tuyển; UBND TP		
4b	Chấp thuận PA kiến trúc	Sở QHKT		
5	Thỏa thuận cấp điện, cấp nước, thoát nước; đấu nối giao thông; thỏa thuận về chiều cao tầng không	Các DN quản lý HT HTKT; đơn vị quản lý hệ thống GT theo phân cấp; Bộ QP		
6	Lập, thẩm định, phê duyệt			

TT	Nội dung thực hiện	Đơn vị thực hiện	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
	ĐTM/GPMT/ĐKMT			
6a	Báo cáo đánh giá tác động môi trường		Đ30 Luật BVMT 2020 (đối tượng phải thực hiện ĐTM)	
-	Lập báo cáo đánh giá tác động môi trường	Chủ đầu tư; Đơn vị tư vấn.	Các điều 32, 32, 33 Luật BVMT 2020	
-	Thẩm định và phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường	Bộ NN&MT; Sở NN&MT;	Các điều 34, 35, 36 Luật BVMT 2020	
6b	Giấy phép môi trường		Đ39 Luật BVMT 2020 (đối tượng phải có GPMT)	
-	Lập báo cáo đề xuất cấp Giấy phép môi trường	CĐT; Đơn vị tư vấn.	Đ40 Luật BVMT 2020	
-	Thẩm định và phê duyệt Giấy phép môi trường	Bộ NN&MT; Sở NN&MT;	Đ41 Luật BVMT 2020	
6c	Đăng ký môi trường		Đ49 Luật BVMT 2020	
-	Lập đăng ký môi trường	CĐT		
-	Tiếp nhận đăng ký môi trường	UBND xã/ phường		
7	Tham gia ý kiến đối với TKCS và giải pháp PCCC cho DA (nhóm A: không quá 10 ngày; nhóm B, C không quá 5 ngày)	CĐT, Cục CS PCCC & CNCH - Bộ CA (nhóm A)/ Phòng CS PCCC & CNCH - Công an TP (nhóm B, C)	Khoản 10,11 Đ13 NĐ số 136	
8	Hoàn thiện BCNCKT/BCKT-KT ĐTXD	CĐT, ĐVTV lập BCNCKT	Đ11 NĐ số 15.	
9	Thẩm định BCNCKT/ BCKTKT ĐTXD (gọi tắt là dự án)			
a	Tiếp nhận hồ sơ trình thẩm định - Hồ sơ gồm: Tờ trình thẩm định dự án của CĐT; Dự án; Các tài liệu, văn bản có liên quan.	CQ chủ trì thẩm định: Sở quản lý XDCT/ P. Kinh tế (Kinh tế - HT&ĐT) cấp xã	- các điều 56 ÷ 59 Luật XD năm 2014 - K13 ÷ 16 Đ1 Luật XD số 62.	
b	Lấy ý kiến tham gia thẩm định của các sở, ngành liên quan *Thời gian có văn bản trả lời: - DA nhóm A: không quá 25 ngày; - DA nhóm B: không quá 15 ngày; - DA nhóm C: không quá 10 ngày.	CQ chủ trì thẩm định	- Đ7 NĐ số 10; - Các điều 12 ÷ 17 NĐ số 15.	

TT	Nội dung thực hiện	Đơn vị thực hiện	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
c	Tổng hợp ý kiến xây dựng Báo cáo kết quả thẩm định dự án * Thời gian thẩm định: - DA nhóm A: không quá 40 ngày; - DA nhóm B: không quá 30 ngày; - DA nhóm C: không quá 20 ngày.	CQ chủ trì thẩm định	- Đ14 Quy định của QĐ số 15; - K16 Đ1 Luật XD số 62.	
Bước 5: Điều chỉnh CTrĐT dự án (đối với trường hợp quy định tại K1, Điều 11 NĐ số 40)				
1	Quy trình, thủ tục quyết định điều chỉnh CTrĐT		K3 Đ37 Luật ĐTC số 58	
2	Hồ sơ trình cấp có thẩm quyền quyết định điều chỉnh CTrĐT dự án		K1, K2 Đ14 NĐ số 85.	
Bước 6: Phê duyệt dự án				
1	Trình duyệt quyết định đầu tư DA * Thời gian phê duyệt: - DA nhóm A: không quá 07 ngày; - DA nhóm B, C: không quá 05 ngày.	CQ chủ trì thẩm định		
2	Phê duyệt DA	Chủ tịch UBND các cấp/ Thủ trưởng CQ được ủy quyền quyết định đầu tư (DA nhóm C)	- K1 Đ60 Luật XD năm 2014; - K17 Đ1 Luật XD số 62; - Đ22 NĐ số 175; - Đ17 Quy định của QĐ số 15.	

*** Cơ chế ủy quyền cho Ủy ban nhân dân/Chủ tịch UBND xã, phường phê duyệt thủ tục đầu tư dự án trước đây chính quyền cấp huyện đã phê duyệt:**

(1) Để đảm bảo không bị gián đoạn trong việc giải quyết thủ tục đầu tư nhóm dự án trước đây thuộc nhiệm vụ chi cấp huyện; ngày 27/6/2025, UBND Thành phố đã ban hành các Quyết định: Số 3339/QĐ-UBND và 3368/QĐ-UBND về việc chuyển chủ đầu tư các dự án và giao lại kế hoạch ĐTC trung hạn 2021-2025 và Kế hoạch ĐTC năm 2025 cho 126 UBND các xã, phường; trong đó UBND Thành phố/Chủ tịch UBND Thành phố đã ủy quyền cho UBND cấp xã/Chủ tịch UBND cấp xã phê duyệt điều chỉnh chủ trương đầu tư, Dự án đầu tư trước đây UBND cấp huyện và Chủ tịch UBND cấp huyện đã phê duyệt.

(2) Ngày 06/10/2025, Chủ tịch UBND Thành phố có Quyết định số 4995/QĐ-UBND về việc Chủ tịch UBND Thành phố ủy quyền Chủ tịch UBND cấp xã phê duyệt, phê duyệt điều chỉnh dự án đầu tư xây dựng sử dụng vốn ngân sách thuộc nhiệm vụ chi cấp Thành phố do UBND cấp xã làm Chủ đầu tư đối với các dự án nhóm B có cấp công trình từ cấp III trở xuống, dự án nhóm C. Thời hạn ủy quyền đến hết ngày 31/12/2025 kể từ ngày ký Quyết định này.

3. Công tác xây dựng, trình phê duyệt và giao kế hoạch đầu tư công:

3.1. Quy trình 22 bước lập, thẩm định, phê duyệt và giao kế hoạch đầu tư công trung hạn tại **phụ lục 1.1** kèm theo.

3.2. Quy trình 12 bước lập, thẩm định, phê duyệt và giao kế hoạch đầu tư công hàng năm tại **phụ lục 1.2** kèm theo.

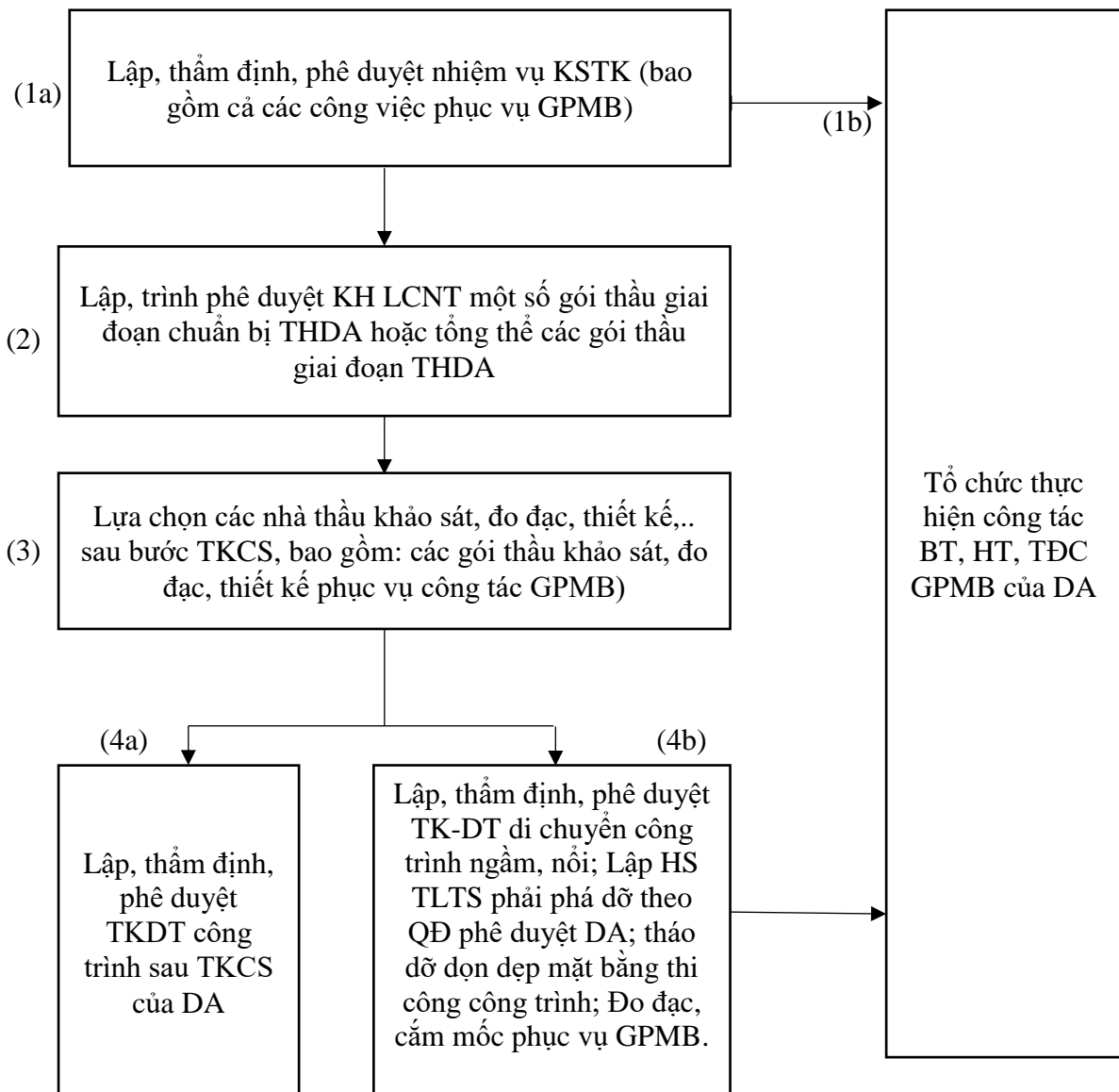
3.3. Các cơ chế thanh toán linh hoạt kế hoạch vốn đầu tư công hàng năm tại **phụ lục 1.3** kèm theo; bao gồm:

- Vốn thanh toán linh hoạt cho công tác chuẩn bị đầu tư, nhiệm vụ quy hoạch;
- Vốn thanh toán linh hoạt cho công tác bồi thường, hỗ trợ, tái định cư;
- Vốn thanh toán linh hoạt cho công tác lập thiết kế dự toán sau thiết kế cơ sở;
- Vốn thanh toán linh hoạt cho công tác quyết toán.

II- Giai đoạn THDA

II.1. Trình tự, thủ tục chuẩn bị THDA

1. Sơ đồ tổng quát



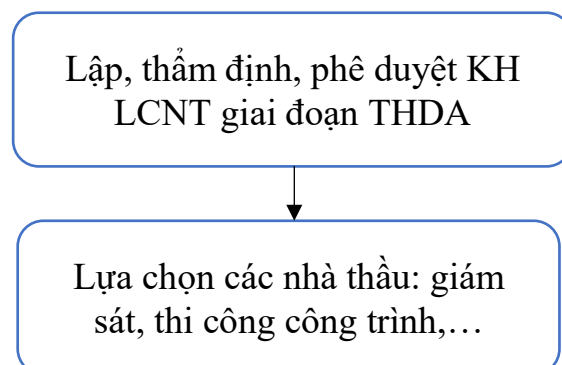
2. Quy trình chi tiết:

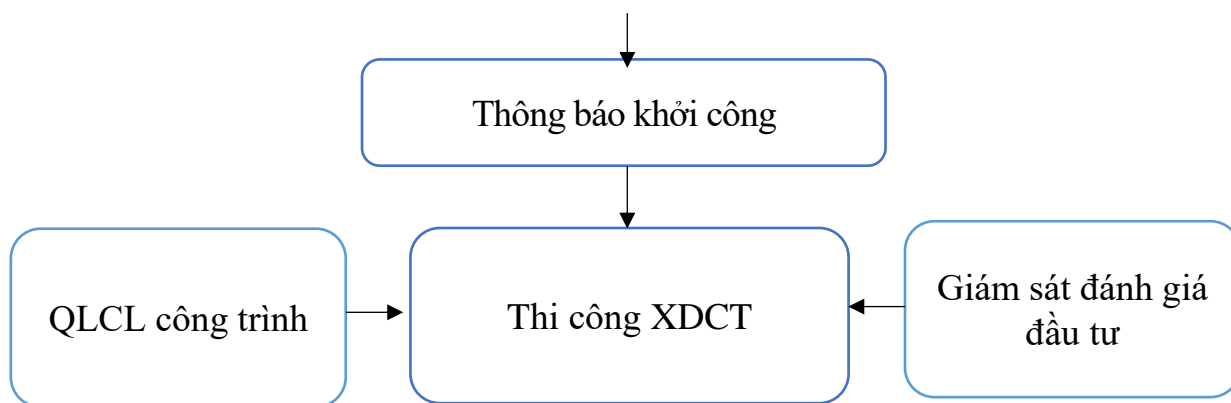
TT	Nội dung thực hiện	Đơn vị thực hiện	Điều, khoản áp dụng	Ghi chú
Bước 1a: Lập, thẩm định, phê duyệt nhiệm vụ KSTK (triển khai sau TKCS; bao gồm cả các công việc phục vụ GPMB của DA – nếu có)				
1	Lập nhiệm vụ KSTK; PA khảo sát triển khai sau TKCS (bao gồm cả các công việc phục vụ công tác GPMB của DA)	CĐT, đơn vị tư vấn	- Đ74 Luật XD năm 2014; - Các điều 29 ÷ 34 NĐ số 175/2024/NĐ-CP.	
2	Thẩm định, phê duyệt nhiệm vụ KSTK xây dựng triển khai sau TKCS, bao gồm cả DT	CĐT	- Đ76 Luật XD năm 2014; - Đ14 NĐ số 10.	
Bước 2: Lập, thẩm định, phê duyệt KHLCNT một số hoặc tổng thể các gói thầu giai đoạn THDA				
1	Lập Tờ trình phê duyệt KH tổng thể LCNT hoặc KHLCNT cho dự án, bao gồm 04 phần công việc: - Phần công việc đã thực hiện; - Phần công việc không áp dụng được một trong các hình thức LCNT; - Phần công việc thuộc KH LCNT; - Phần công việc chưa đủ điều kiện lập KHLCNT.	CĐT	- Các điều 36, 37, 38, và 39 Luật ĐT năm 2023 - K2 Đ4 TT số 79	
2	Phê duyệt KH LCNT một số hoặc các gói thầu giai đoạn THDA	CĐT	- Đ40 Luật Đầu thầu năm 2023 được sửa đổi tại điểm a,b,c K22 Đ1 số 90; - K2 Đ4 TT số 79	
3	Đăng tải quyết định phê duyệt KH LCNT			
	* Lưu ý: Thời gian đăng tải KH tổng thể LCNT/KHLCNT lên Hệ thống mạng ĐTQG không muộn hơn 05 ngày làm việc, kể từ ngày VB được ban hành	CĐT	- K6 Đ14 NĐ số 24; - K1 Đ7, K4 Đ8 Luật ĐT năm 2023	
Bước 3: Lựa chọn các nhà thầu KSXD, TVTK,.. sau bước TKCS, bao gồm: các gói thầu khảo sát, đo đạc, thiết kế phục vụ công tác GPMB)				
1	Lựa chọn các nhà thầu KSXD, TVTK; tư vấn thẩm tra triển khai sau TKCS và phục vụ công tác GPMB. * Lưu ý: Việc lựa chọn đơn vị KSXD, TVTK; tư vấn thẩm tra,... theo KHLCNT được duyệt và Quy trình các bước LCNT hướng dẫn tại Phụ lục số 1.	CĐT, Tổ chuyên gia, Tổ thẩm định		
Bước 4a: Lập, thẩm định, phê duyệt TK-DT công trình (triển khai sau TKCS; bao gồm cả KSTK - DT di chuyển công trình ngầm nổi; đo đạc, cắm mốc... phục vụ công tác GPMB)				
1	Lập hồ sơ TKXD triển khai sau TKCS, bao gồm Tờ trình thẩm định	CĐT, đơn vị tư vấn	- Các điều 79, 80 Luật XD năm 2014;	

TT	Nội dung thực hiện	Đơn vị thực hiện	Điều, khoản áp dụng	Ghi chú
			- Các điều 31, 33, 34 NĐ số 175; - Các điều 11, 12 NĐ số 10.	
2	Thẩm định TKXD triển khai sau TKCS (CĐT có trách nhiệm tổng hợp KQTĐ của CQ chuyên môn về XD)	CĐT	Đ82 Luật XD năm 2014 được sửa đổi tại K24 Đ1 Luật XD số 62; Đ43 NĐ số 175	
2.1	Công tác thẩm định của CĐT	CĐT	Đ83 Luật XD năm 2014 được sửa đổi tại K25 Đ1 Luật XD số 62; Đ43 NĐ số 175.	
2.2	Công tác thẩm định của CQ chuyên môn Ghi chú: - Không quá 40 ngày đối với công trình cấp I, cấp đặc biệt; - Không quá 30 ngày đối với công trình cấp II và cấp III; - Không quá 20 ngày đối với công trình còn lại.	Sở XD công trình chuyên ngành	- K2 Đ83a Luật XD năm 2014 được sửa đổi tại K26 Đ1 Luật XD số 62; - Các điều từ 43÷47 NĐ số 175	
3	Phê duyệt TKXD triển khai sau TKCS	CĐT	- K8 Đ82 Luật XD năm 2014 được sửa đổi tại K24Đ1 Luật XD số 62; - Đ48 NĐ số 175; - Đ14 NĐ số 10.	
<p>Bước 1b: Quy trình chi tiết các công việc bước 1b - Tổ chức công tác BT, HT&TĐC GPMB của Dự án (đối với DA có nội dung GPMB; bao gồm cả công tác di chuyển CT ngầm, nổi trong phạm vi GPMB của DA): Thực hiện song trùng bước 1a; Quy trình chi tiết theo Phụ lục số 2.</p>				

II.2 Trình tự, thủ tục THDA

1. Sơ đồ tổng quát





2. Quy trình chi tiết

2.1. Lập, thẩm định, phê duyệt KH LCNT giai đoạn THDA (trường hợp thực hiện bước tại mục 1.1 khoản 1 phần II không trình duyệt KH LCNT tổng thể các gói thầu giai đoạn THDA). Thực hiện theo hướng dẫn tại điểm 1.1 khoản 1 phần II.

2.2 Lựa chọn các nhà thầu theo KH LCNT giai đoạn THDA được duyệt. Thực hiện quy trình các bước LCNT theo hướng dẫn tại **Phụ lục số 3**.

2.3. Thi công xây dựng công trình:

2.3.1. Thông báo khởi công công trình:

TT	Nội dung công việc	Đơn vị thực hiện	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
1	Thông báo về ngày k/c XD được gửi đến UBND xã, phường, CQ QLNN về XD tại địa phương trước thời điểm k/c XDCT ít nhất là 03 ngày l/v.	CĐT	- Đ107 Luật XD 2014 được sửa đổi tại K39 Đ1 Luật số 62 (phải đáp ứng các ĐK khởi công: Có MB, có TKBVTC, DT, có HĐ thi công XD được ký kết, có BP đảm bảo an toàn, BVMT) - NĐ số 06.	

2.3.2. Thi công xây dựng, hoàn thành bàn giao công trình.

a. Tổng quát các chủ thể, nội dung và trình tự quản lý

a.1. Các chủ thể và nội dung quản lý

TT	Chủ thể	Nội dung quản lý thi công
1	- Nhà thầu thi công - Nhà thầu tư vấn giám sát - Chủ đầu tư	- Chất lượng - Tiến độ - Khối lượng - An toàn lao động - Chi phí - Quản lý theo hợp đồng
2	Nhà thầu tư vấn thiết kế	- Chất lượng - Khối lượng

a.2. Trình tự quản lý thi công

TT	Trình tự quản lý	Chủ thể thực hiện	
1	Tiếp nhận mặt bằng, quản lý công trường	- CĐT - Nhà thầu TVTK - Nhà thầu TVGS - Nhà thầu thi công	K1 Đ13 NĐ số 06
2	Quản lý vật liệu, sản phẩm, cấu kiện, thiết bị sử dụng	- CĐT - Nhà thầu TVTK - Nhà thầu TVGS - Nhà thầu thi công	Đ12 NĐ số 06
3	Quản lý thi công XDCT của nhà thầu	- CĐT - Nhà thầu tư vấn giám sát - Nhà thầu tư vấn thiết kế - Nhà thầu thi công	Đ17 NĐ số 06 được sửa đổi tại K2 Đ11 NĐ số 35; Đ18 NĐ số 06
4	Giám sát thi công, kiểm tra, nghiệm thu công việc xây dựng	- CĐT - Nhà thầu TVGS - Nhà thầu thi công	Đ19 NĐ số 06
5	Giám sát tác giả trong quá trình thi công	- Nhà thầu tư TVTK	Đ20 NĐ số 06
6	Nghiệm thu công việc xây dựng	Người giám sát + Người phụ trách kỹ thuật thi công	Đ21 NĐ số 06
7	Nghiệm thu giai đoạn, bộ phận CTXD	- CĐT - Nhà thầu TVGS - Nhà thầu thi công	Đ22 NĐ số 06
8	Nghiệm thu hạng mục công trình, công trình hoàn thành	- CĐT - Nhà thầu tư vấn giám sát - Nhà thầu tư vấn thiết kế - Nhà thầu thi công	Đ23 NĐ số 06, sửa đổi tại điểm b K5 Đ11 NĐ số 35
9	Kiểm tra công tác nghiệm thu của CQNN có thẩm quyền	Cơ quan QLNN xây dựng chuyên ngành	Đ24 NĐ số 06, được sửa đổi tại điểm a,b K6 Đ11 NĐ số 35
10	Lập và lưu trữ hồ sơ hoàn thành công trình	- Nhà thầu thi công - CĐT - Nhà thầu tư vấn giám sát - Nhà thầu tư vấn thiết kế	Đ26 NĐ số 06
11	Hoàn trả mặt bằng	- Nhà thầu thi công	
12	Bàn giao công trình xây dựng	- CĐT - Nhà thầu thi công	Đ27 NĐ số 06 sửa đổi tại K7 Đ11 NĐ số 35

b. Quyền và nghĩa vụ của các chủ thể trong thi công xây dựng công trình

TT	Chủ thể	Quyền và nghĩa vụ
1	Nhà thầu thi công	- Quyền và nghĩa vụ của nhà thầu quy định tại theo Điều 113 Luật XD năm 2014 sửa đổi tại Luật số 62; Đ24 và Đ28 NĐ số 37; - Trách nhiệm theo Đ13 NĐ số 06. - Trách nhiệm bảo hành công trình theo quy định tại Đ125 Luật XD năm 2014; Điều 35 NĐ số 06.
2	Nhà thầu TVGS	- Quyền và nghĩa vụ của nhà thầu quy định tại Đ122 Luật XD năm 2014; Các điều 24, 26 NĐ số 37.

TT	Chủ thể	Quyền và nghĩa vụ
		- Nội dung giám sát theo Đ120 Luật XD năm 2014 và Đ19 NĐ số 06.
3	Nhà thầu TVTK	- Quyền và nghĩa vụ của nhà thầu trong quá trình thi công quy định tại Đ114 Luật XD năm 2014. - Thực hiện giám sát tác giả theo Đ20 NĐ số 06.
4	Chủ đầu tư	- Trong thi công XD quy định tại Đ112 Luật XD năm 2014 sửa đổi tại K41 Đ1 Luật số 62. - Trong giám sát thi công XD quy định tại Đ121 Luật XD năm 2014. - Các điều 24, 27 NĐ số 37; Đ14 NĐ số 06.
5	CQ có thẩm quyền kiểm tra công tác nghiệm thu	- Điều 123 Luật XD năm 2014 sửa đổi tại K45 Đ1 Luật số 62. - Đ24 NĐ số 06

2.4. Quản lý chất lượng công trình

2.4.1. Giám sát thi công và giám sát tác giả

TT	Nội dung công việc	Đơn vị thực hiện	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
I	Giám sát thi công xây dựng công trình			
1	Nội dung thực hiện giám sát thi công xây dựng công trình	CĐT và Tổ chức giám sát	- K1 Đ120 Luật Xây dựng năm 2014; - K1 Đ19 NĐ số 06.	
2	Phương thức thực hiện giám sát: - CĐT tự thực hiện nếu đủ điều kiện năng lực; - hoặc thuê tổ chức tư vấn đủ điều kiện năng lực thực hiện	CĐT và Tổ chức giám sát	K2 Đ19 NĐ số 06.	
3	Tổ chức giám sát áp dụng loại hợp đồng tổng thầu EPC hoặc hợp đồng chìa khóa trao tay	CĐT và tổng thầu	K3 Đ19 NĐ số 06.	
a	Tổng thầu có trách nhiệm thực hiện (tự thực hiện hoặc thuê nhà thầu tư vấn) thực hiện giám sát		Điểm a K3 Đ19 NĐ số 06 sửa đổi tại K3 Đ11 NĐ số 35.	
b	Chủ đầu tư có trách nhiệm kiểm tra việc thực hiện giám sát thi công xây dựng của tổng thầu		Điểm b K3 Đ19 NĐ số 06	
4	Xây dựng hệ thống quản lý chất lượng và có đủ nhân sự thực hiện GS tại công trường.	Tổ chức giám sát	K4 Đ19 NĐ số 06.	
5	Tổ chức, cá nhân thực hiện giám sát thi công xây dựng công trình phải lập báo cáo về công tác giám sát thi công xây dựng công trình	Tổ chức, cá nhân giám sát	K5 Đ19 NĐ số 06.	
6	Thành lập bộ phận GS thi công xây dựng độc lập với bộ phận trực tiếp thi công XDCT trong trường hợp tổng thầu EPC, tổng thầu theo hình thức chìa khóa trao tay tự thực hiện đồng thời việc GS và thi công XDCT.	CĐT và Tổng thầu	K6 Đ19 NĐ số 06	

7	Tính độc lập giữa Tổ chức GS và các nhà thầu thi công, lắp đặt thiết bị và kiểm định CLCT xây dựng và sản phẩm có liên quan đến vật tư, thiết bị do mình cung cấp	CĐT, Tổ chức giám sát, Tổ chức kiểm định chất lượng	K7 Đ19 NĐ số 06.	
8	Trách nhiệm của cơ quan ký kết hợp đồng trong việc tổ chức GS thi công đối với dự án PPP	CQ ký kết HĐ và DN dự án PPP	K8 Đ19 NĐ số 06.	
II	Giám sát tác giả			
1	Trách nhiệm thực hiện GS tác giả của Nhà thầu lập thiết kế XDCT	CĐT, Nhà thầu thiết kế XDCT	K1 Đ20 NĐ số 06.	
2	Nội dung thực hiện GS tác giả	Nhà thầu thiết kế XDCT	K2 Đ20 NĐ số 06	

2.4.2. Kiểm tra công tác nghiệm thu thi công XDCT

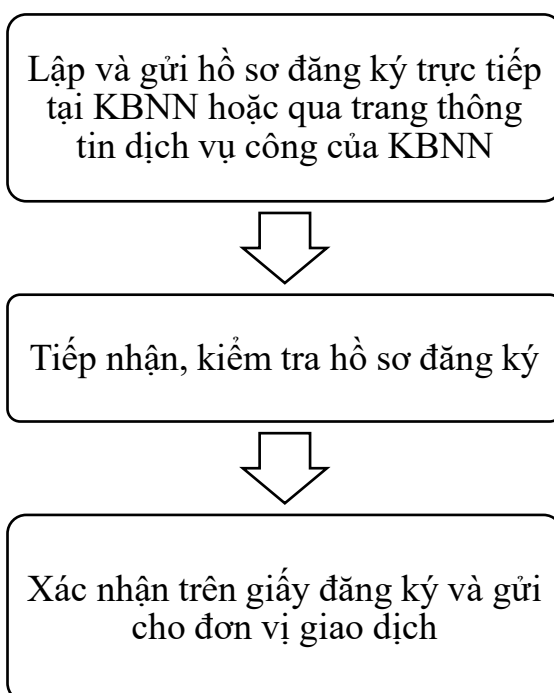
TT	Nội dung công việc	Đơn vị thực hiện	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
I	Kiểm tra công tác nghiệm thu trong quá trình thi công			
1	Thông báo cho CĐT kế hoạch kiểm tra - Không quá 03 lần đối với công trình cấp đặc biệt và công trình cấp I, không quá 02 lần đối với các công trình còn lại. - Nội dung kiểm tra: Kiểm tra sự tuân thủ các quy định về công tác QLCL, an toàn trong thi công XDCT của CĐT và các nhà thầu tham gia	CQ chuyên môn về XD	- Đ123 Luật XD năm 2014 sửa đổi tại K45 Đ1 Luật số 62. - Đ24 NĐ số 06.	
2	Tổ chức kiểm tra, ra văn bản thông báo KQKT gửi CĐT; - Không quá 14 ngày đ/v công trình cấp I, cấp đặc biệt; - Không quá 7 ngày đ/v các công trình còn lại (kể từ ngày tổ chức kiểm tra)	CQ chuyên môn về XD	- Đ123 Luật XD 2014 sửa đổi tại K45 Đ1 Luật số 62. - Đ24 NĐ số 06.	
II	Kiểm tra công tác nghiệm thu hoàn thành công trình			
1	Gửi 01 bộ hồ sơ đề nghị kiểm tra công tác nghiệm thu tới CQ chuyên môn về XD - Trước 15 ngày đối với công trình cấp đặc biệt, cấp I - Trước 10 ngày đối với công trình còn lại (so với ngày dự kiến tổ chức nghiệm thu hoàn thành CT)	CĐT	K6 Đ24 NĐ số 06.	
2	Kiểm tra các điều kiện nghiệm thu hoàn thành CT đưa vào khai thác, sử dụng.	CQ chuyên môn về XD	Các khoản 4, 6 Đ24 NĐ số 06.	
3	Ra văn bản chấp thuận KQ nghiệm thu của CĐT hoặc ra văn bản không chấp thuận KQ nghiệm thu của CĐT trong đó nêu rõ các nội dung còn tồn tại cần được	CQ chuyên môn về XD	K6 Đ24 NĐ số 06.	

khắc phục. * Thời gian: - Không quá 30 ngày đối với công trình cấp I, cấp đặc biệt - Không quá 20 ngày đối với công trình còn lại.			
---	--	--	--

2.5. Trình tự, thủ tục kiểm soát tạm ứng kinh phí và thanh toán vốn đầu tư

2.5.1. Đăng ký sử dụng tài khoản bổ sung tài khoản và thay đổi mẫu dấu, mẫu chữ ký của đơn vị giao dịch tại kho bạc nhà nước (KBNN)

a. Sơ đồ tổng quát



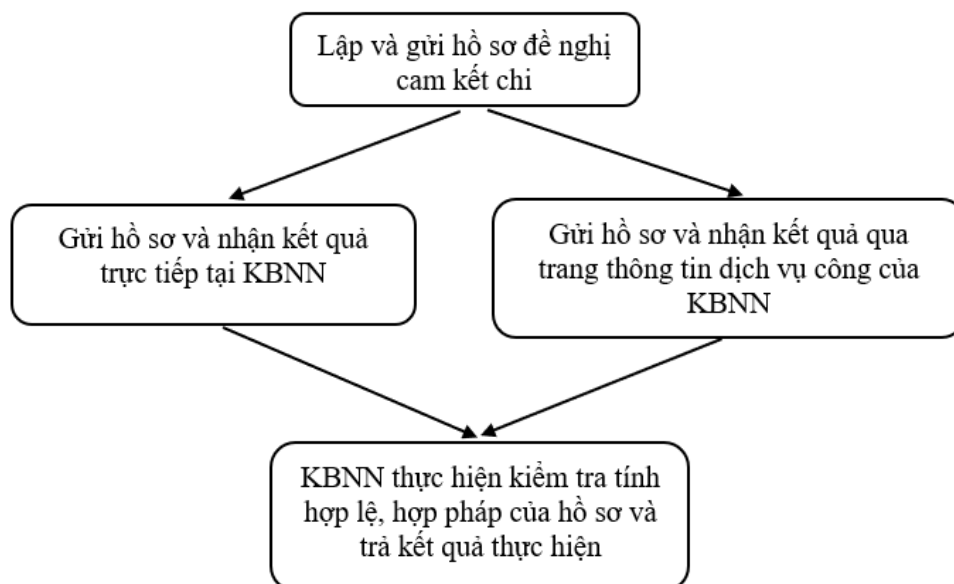
b. Quy trình chi tiết

TT	Nội dung thực hiện	Đơn vị thực hiện	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
Bước 1: Lập và gửi hồ sơ đăng ký				
1	Lập và gửi hồ sơ đăng ký sử dụng tài khoản, bổ sung tài khoản và thay đổi mẫu dấu, mẫu chữ ký bằng văn bản giấy, như sau:	Các CĐT, Ban QLDA	Các k 2,3,4,5 và 10 Đ12 NĐ số 11/2020 /NĐ-CP;	
	Gửi trực tiếp tại KBNN			
	Gửi qua trang thông tin DVC của KBNN			
	* Thành phần và số lượng hồ sơ			
Bước 2: Tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ đăng ký				
1a	Tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ đối với hồ sơ nộp trực	KBNN		

TT	Nội dung thực hiện	Đơn vị thực hiện	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
	tiếp tại KBNN, như sau: - Trường hợp hồ sơ đầy đủ và hợp lệ, KBNN thực hiện tiếp nhận hồ sơ và lập phiếu giao nhận hồ sơ đăng ký gửi đơn vị giao dịch; - Trường hợp chưa đầy đủ hoặc chưa hợp lệ, KBNN trả lại hồ sơ và hướng dẫn đơn vị giao dịch hoàn thiện hồ sơ theo phiếu hướng dẫn hoàn thiện hồ sơ.		Điểm b k3 Đ 12 NĐ số 11	
1b	Tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ đối với hồ sơ nộp qua trang thông tin DVC của KBNN như sau: - Trường hợp hồ sơ đề nghị của đơn vị đầy đủ và hợp lệ, KBNN gửi thông báo phản hồi về việc ghi nhận hồ sơ của đơn vị đã được gửi tới KBNN; - Trường hợp hồ sơ đề nghị của đơn vị chưa đầy đủ và hợp lệ, KBNN thông báo phản hồi về việc từ chối và lý do từ chối tiếp nhận hồ sơ đề nghị của đơn vị giao dịch.	KBNN	Điểm b K3 Đ 12 NĐ số 11	
Bước 3: Xác nhận trên giấy đăng ký và gửi cho đơn vị giao dịch				
1	KBNN nước xác nhận trên giấy đăng ký sử dụng tài khoản và mẫu dấu, mẫu chữ ký hoặc giấy đề nghị thay đổi mẫu dấu, mẫu chữ ký - Gửi lại bản giấy cho đơn vị giao dịch đối với hồ sơ nộp trực tiếp tại KBNN; - Gửi TB chấp thuận của KBNN cho đơn vị giao dịch qua trang thông tin DVC của KBNN đối với HS nộp qua trang thông tin DVC của KBNN * Thời hạn giải quyết 01 ngày l/việc.	KBNN	K9 Đ12 NĐ số 11	

2.5.2. Kiểm soát cam kết chi

a. Sơ đồ tổng quát

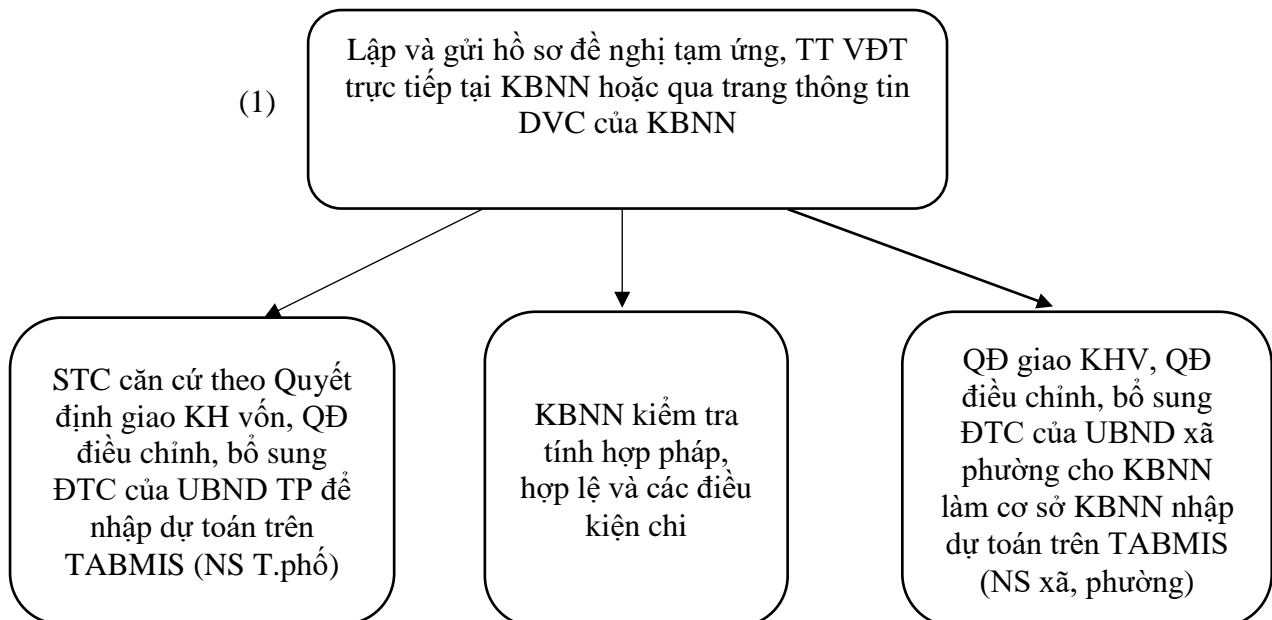


b. Quy trình chi tiết

TT	Nội dung thực hiện	Đơn vị thực hiện	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
Bước 1: Lập và gửi hồ sơ đề nghị cam kết chi				
1	- Lập và gửi hồ sơ đề nghị hoặc điều chỉnh cam kết chi trực tiếp tại KBNN - Lập và gửi hồ sơ đề nghị hoặc điều chỉnh cam kết chi qua trang thông tin DVC của KBNN	Các CĐT, Ban QLDA	- Các k 1÷4, 6 và 9 Đ6 NĐ số 11	
Bước 2: KBNN thực hiện kiểm tra tính hợp lệ, hợp pháp của hồ sơ và trả kết quả thực hiện				
1	KBNN thực hiện kiểm tra tính hợp lệ, hợp pháp của hồ sơ và trả kết quả như sau: - Trường hợp hồ sơ đảm bảo đúng chế độ quy định, KBNN làm thủ tục cam kết chi hoặc điều chỉnh cam kết chi: Gửi 01 liên giấy đề nghị hoặc điều chỉnh cam kết chi có xác nhận của KBNN - Trường hợp hồ sơ không đảm bảo đúng chế độ quy định, KBNN gửi TB từ chối đề nghị hoặc điều chỉnh cam kết chi NSNN cho đơn vị (tr.đó nêu rõ lý do từ chối). *Thời hạn giải quyết cam kết chi của KBNN: 01 ngày làm việc, kể từ khi KBNN nhận đủ hồ sơ hợp lệ, hợp pháp của đơn vị	KBNN	- K8 Đ6 NĐ số 11	

2.5.3. Kiểm soát tạm ứng, thanh toán vốn đầu tư

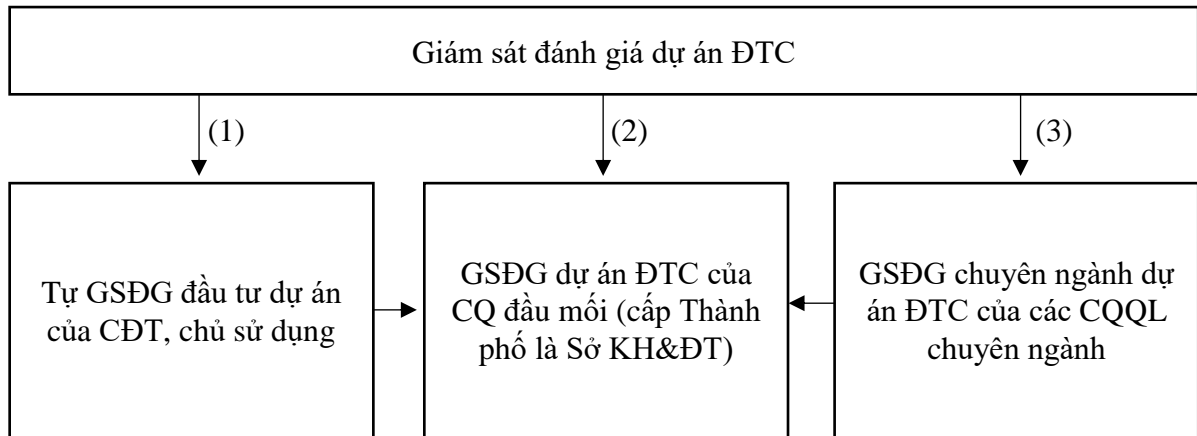
a. Sơ đồ tổng quát



b. Quy trình chi tiết

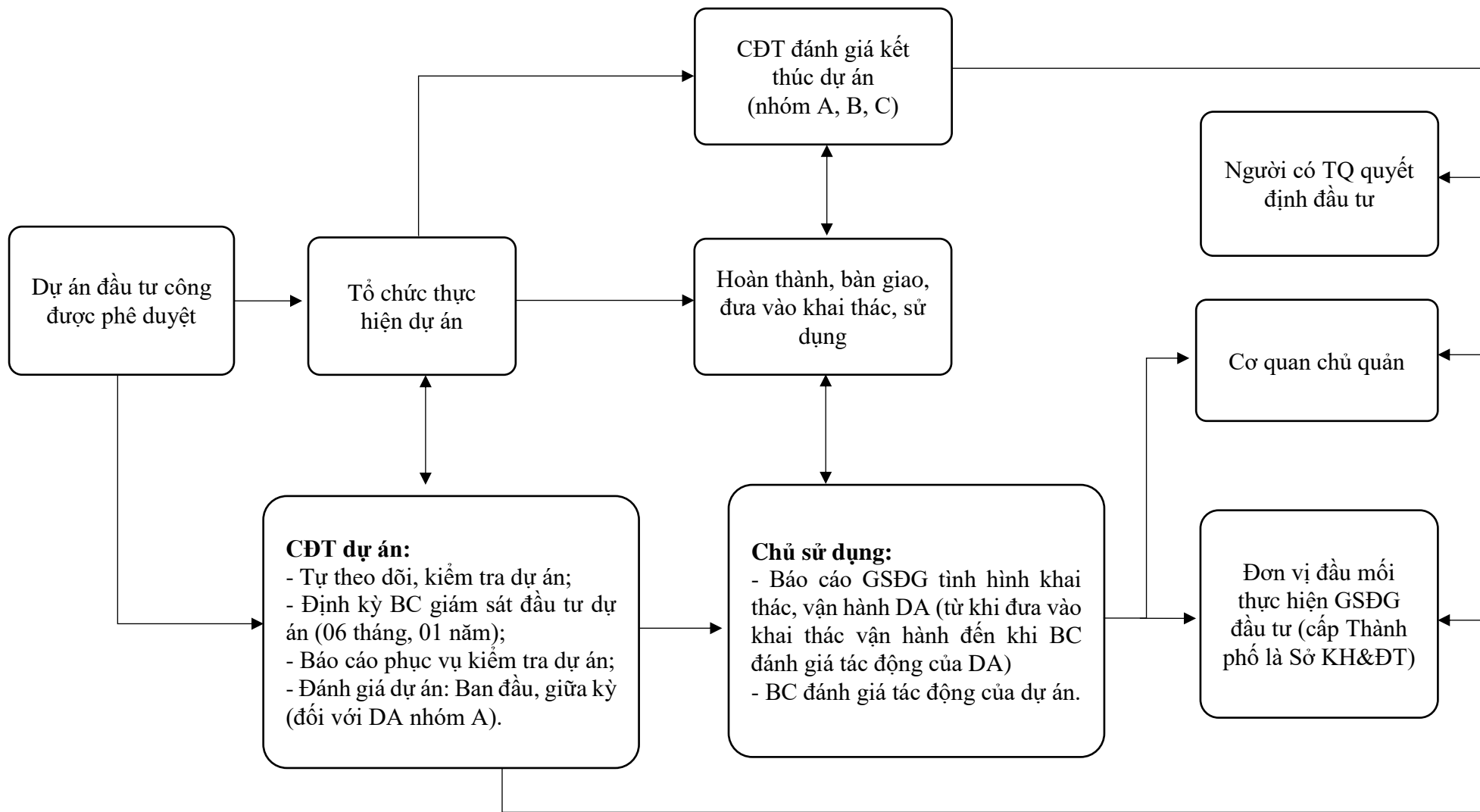
TT	Nội dung thực hiện	Đơn vị thực hiện	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
Bước 1: Lập và gửi hồ sơ đề nghị tạm ứng, TT VĐT				
1	Lập và gửi hồ sơ đề nghị tạm ứng, thanh toán VĐT như sau:	Các CĐT, Ban QLDA	- K2 Đ8 NĐ số 11; - Các khoản 1,2,3,4,6,7 Đ8 NĐ số 254;	
	Gửi hồ sơ giấy trực tiếp tại KBNN			
	Gửi qua trang thông tin DVC của KBNN			
	* Thành phần và số lượng hồ sơ: - Hồ sơ pháp lý của dự án - Hồ sơ tạm ứng vốn - Hồ sơ thanh toán			
Bước 2: Tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ và trả kết quả thực hiện				
1a	<p>Tiếp nhận, kiểm tra với hồ sơ nộp trực tiếp tại KBNN, như sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trường hợp hồ sơ hợp pháp, hợp lệ và các điều kiện chi theo chế độ quy định, KBNN làm thủ tục thanh toán cho đối tượng thụ hưởng; - Trường hợp hồ sơ không đảm bảo theo chế độ, KBNN lập thông báo từ chối thanh toán khoản chi ngân sách nhà nước (trong đó nêu rõ lý do từ chối) bằng văn bản giấy gửi đơn vị. 	KBNN	Điểm a K3 Đ 8 NĐ số 11	
1b	<p>Tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ với hồ sơ nộp qua trang thông tin DVC của KBNN như sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trường hợp hồ sơ đề nghị của đơn vị đảm bảo theo chế độ, KBNN làm thủ tục thanh toán cho đối tượng thụ hưởng và gửi 01 liên chứng từ báo Nợ cho đơn vị để xác nhận đã thực hiện thanh toán.; - Trường hợp hồ sơ không đảm bảo đúng chế độ quy định, Kho bạc Nhà nước gửi thông báo từ chối thanh toán khoản chi ngân sách nhà nước (trong đó nêu rõ lý do từ chối) cho đơn vị qua Trang thông tin dịch vụ công của Kho bạc Nhà nước. <p>*Thời hạn thanh toán vốn của KBNN: 01 ngày làm việc với khoản tạm ứng và 02 ngày làm việc với khoản thanh toán, kể từ khi KBNN nhận đủ hồ sơ hợp lệ, hợp pháp của đơn vị.</p>	KBNN	- Điểm b K3 Đ 12 NĐ số 11; - K4 Đ12 NĐ 254	

2.6. Giám sát, đánh giá đầu tư dự án:



2.6.1. Tự giám sát, đánh giá đầu tư dự án của CĐT, Chủ sử dụng

1. Sơ đồ tổng quát:

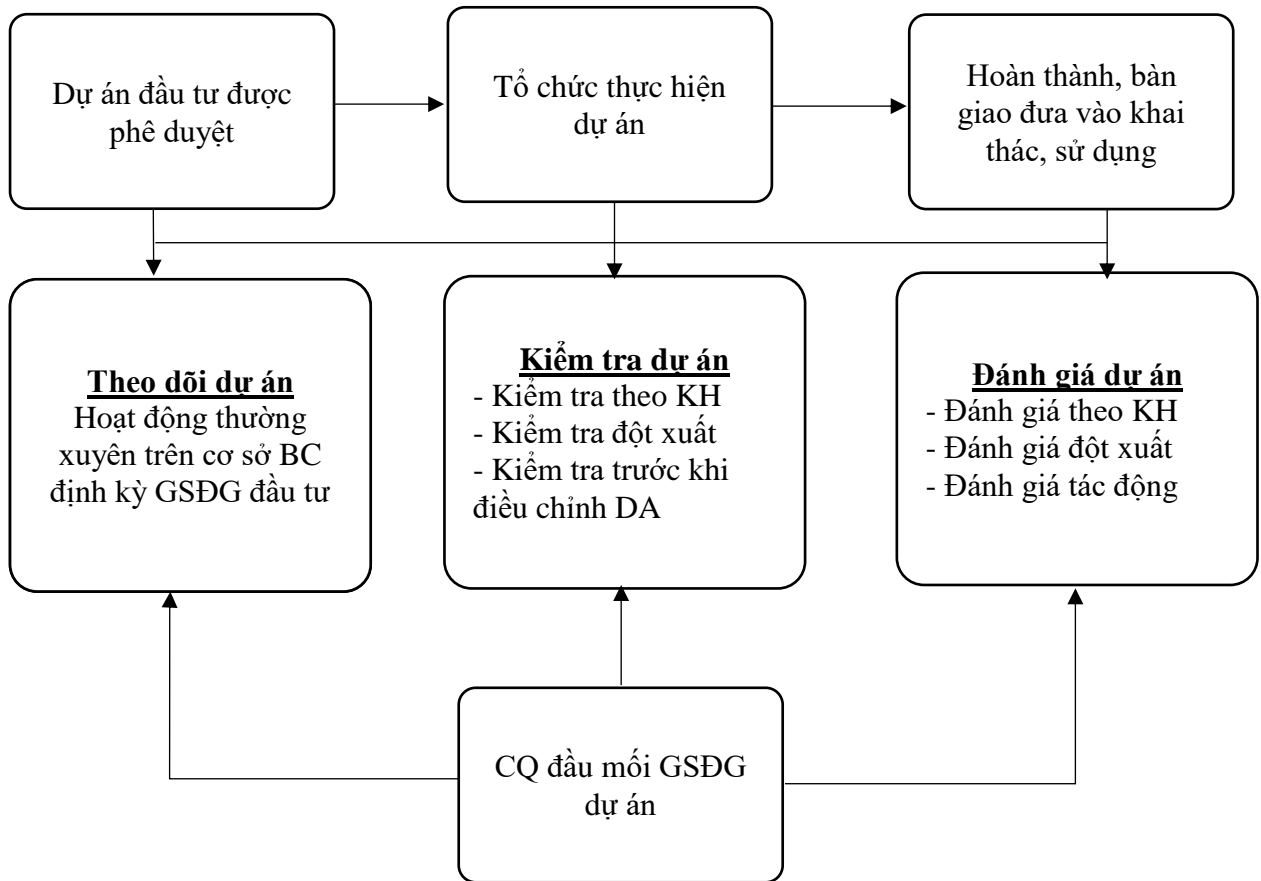


2. Quy trình chi tiết:

TT	Nội dung thực hiện	ĐV thực hiện	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
1	Tổ chức GSDG đầu tư của CĐT	CĐT	- K1 các Đ50, 51 NĐ số 29; - K4 Đ100 NĐ số 29.	
a	Tự theo dõi, kiểm tra DA		- K1 Điều 50 NĐ số 29	
b	Báo cáo GSDG đầu tư DA định kỳ 6 tháng, 01 năm		- K1 Điều 51 NĐ số 29; - Điểm a K4 Đ100 NĐ số 29.	
c	Báo cáo trước khi điều chỉnh DA		- Điểm b K4 Đ100 NĐ số 29.	
d	Đánh giá ban đầu, đánh giá giữa kỳ hoặc giai đoạn đối với DA QTQG, DA nhóm A.		- Điều 73 Luật ĐTC số 39; - Điểm a K1, điểm b K2 Đ55 NĐ số 29; - Điểm đ K4 Đ100 NĐ số 29.	
đ	Báo cáo đánh giá kết thúc DA (đối với DA nhóm A, B, C) – khi DA hoàn thành bàn giao		- Điều 73 Luật ĐTC số 39; - Điểm b K1, điểm a K2 Đ55 NĐ số 29; - Điểm c K4 Đ100 NĐ số 29.	
2	GSDG dự án của Chủ sử dụng	Chủ sử dụng	- K2 Đ51 NĐ số 29; - K5 Đ100 NĐ số 29.	
a	Báo cáo GSDG tình hình khai thác vận hành DA hàng năm trong thời gian từ khi đưa vào khai thác vận hành đến khi BC đánh giá tác động của DA		- K2 Đ51 NĐ số 29; - Điểm a K5 Đ100 NĐ số 29.	
b	Báo cáo đánh giá tác động của DA		- Điều 73 Luật ĐTC số 39; - Điểm b K5 Đ100 NĐ số 29.	

2.6.2. Giám sát, đánh giá dự án đầu tư của Cơ quan đầu môi (cấp Thành phố là Sở Tài Chính);

1. Sơ đồ tổng quát

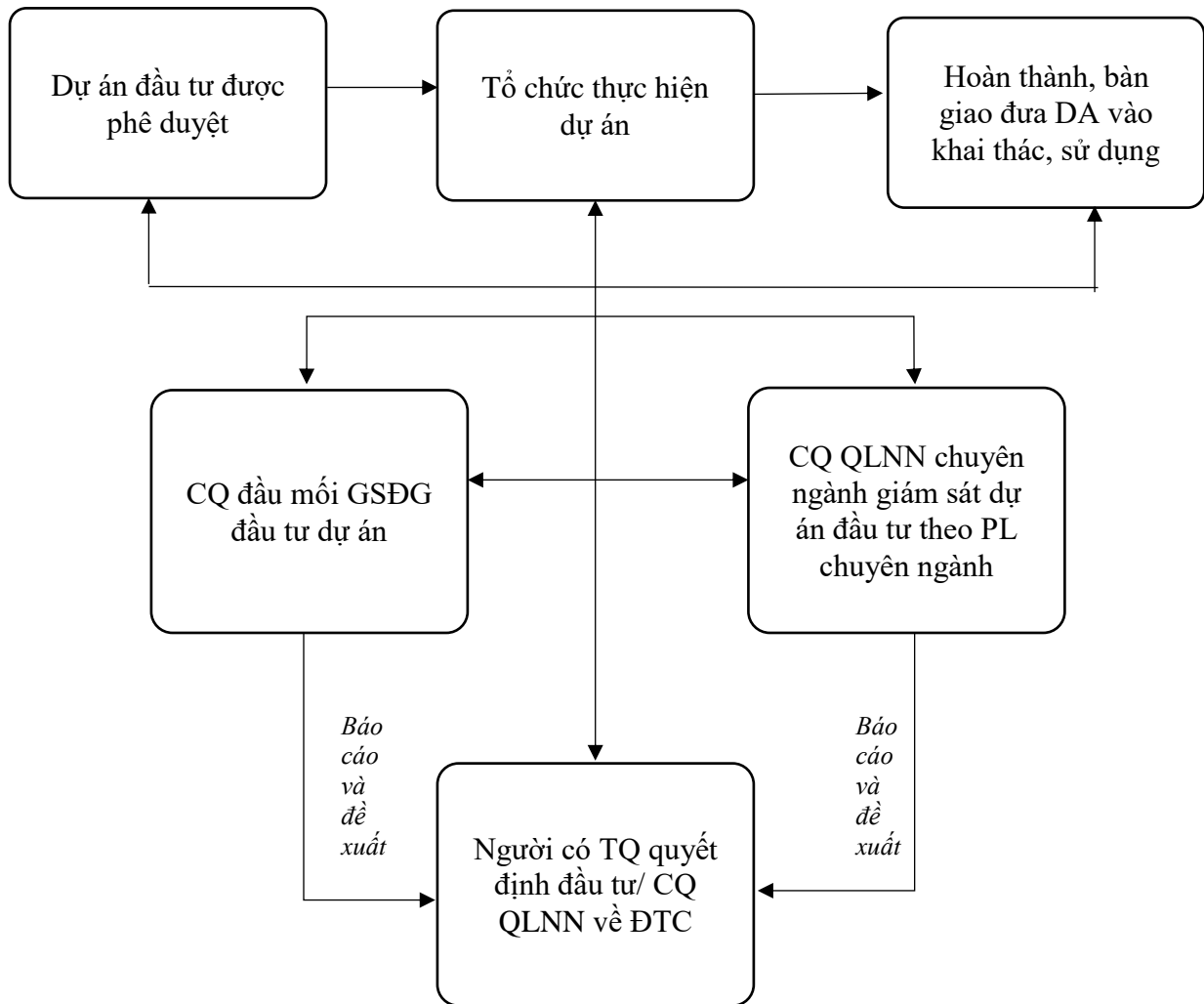


2. Quy trình chi tiết

TT	Nội dung thực hiện	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
1	Theo dõi dự án	- K1 các Đ52, 53 NĐ số 29; - Mục I.1 Phụ lục 2 Quy định của QĐ số 08.	
2	Kiểm tra dự án	- Các K 2,3,4 Đ50 NĐ số 29; - K2 các Đ52, 53 NĐ số 29; - Mục I.2 Phụ lục 2 Quy định của QĐ số 08.	
a	Kiểm tra theo kế hoạch	- Điểm a K2, K4 Đ50 NĐ số 29.	
b	Kiểm tra đột xuất	- K4 Đ50 NĐ số 29.	
c	Kiểm tra trước khi điều chỉnh dự án	- Điểm b K2 Đ50 NĐ số 29.	
3	Đánh giá dự án	- Các điểm b, c K2, 3 Đ55 NĐ số 29.	
a	Đánh giá theo kế hoạch		
b	Đánh giá đột xuất		
c	Đánh giá tác động		

2.6.3. Giám sát của cơ quan quản lý nhà nước chuyên ngành.

1. Sơ đồ tổng quát



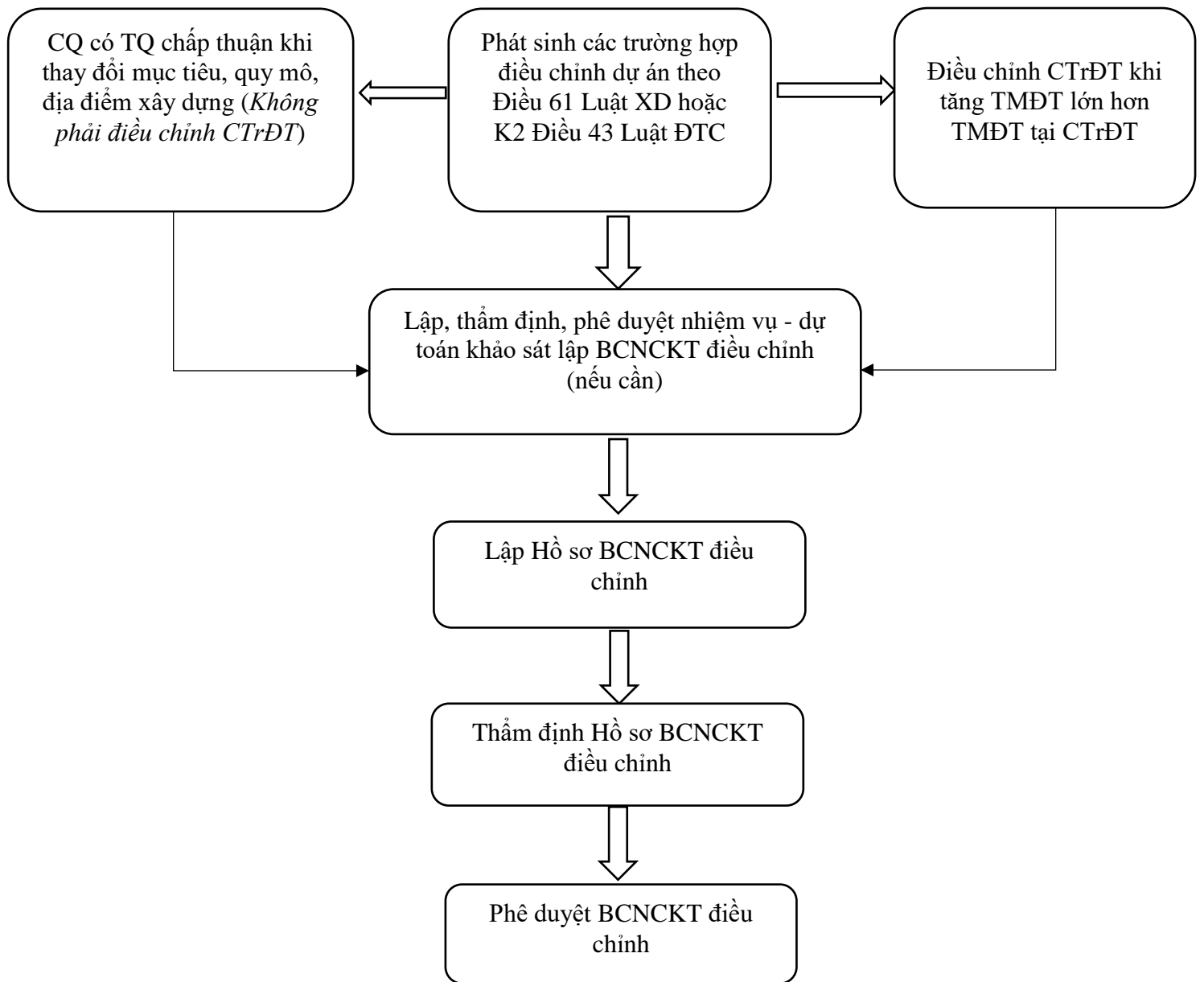
2. Quy trình chi tiết

TT	Nội dung thực hiện	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
1	Giám sát dự án ĐTC theo pháp luật chuyên ngành		
a	Tự tổ chức giám sát theo PL chuyên ngành	- Đ54 NĐ số 29; - Đ9 Quy định của QĐ số 08.	
b	Cử người tham gia Đoàn Kiểm tra đánh giá dự án theo đề nghị của CQ đầu mối GSDG dự án ĐTC	- K3 Đ3 Quy định của QĐ số 08.	
c	Cung cấp thông tin giám sát chuyên ngành dự án ĐTC theo đề nghị của CQ đầu mối GSDG dự án ĐTC	- K2 Đ3 Quy định của QĐ số 08.	

2.7. Trình tự, thủ tục điều chỉnh dự án đầu tư; điều chỉnh thiết kế - dự toán công trình

2.7.1. Điều chỉnh dự án đầu tư/Báo cáo kinh tế - kỹ thuật.

1. Sơ đồ tổng quát



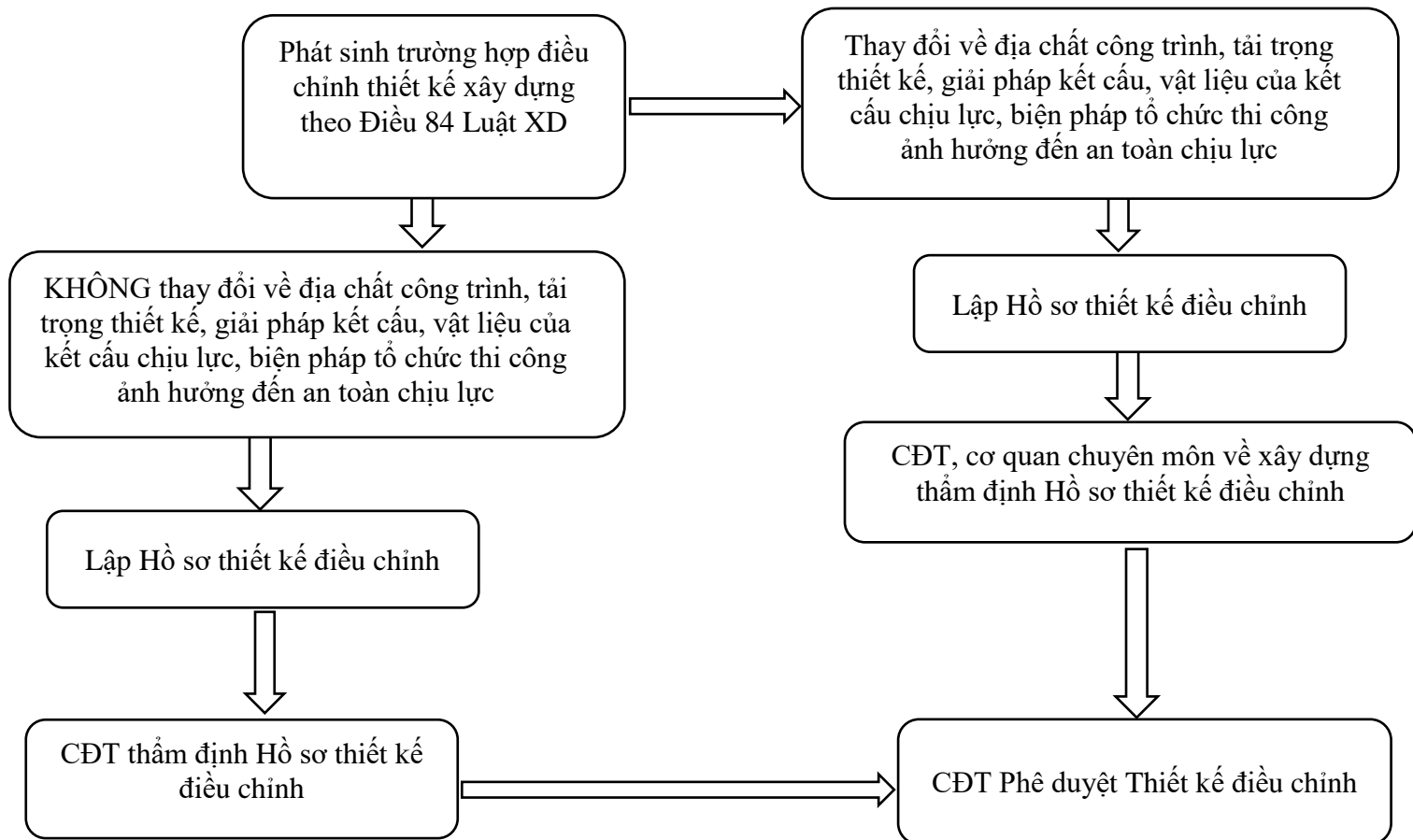
2. Quy trình chi tiết

TT	Nội dung công việc	ĐV thực hiện	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
I	Dự án có cấu phần xây dựng			
1	Xác định trường hợp phải điều chỉnh dự án	CĐT, Đơn vị TVTK, đơn vị TVGS, đơn vị thi công (nếu có)	- Đ61 Luật XD năm 2014 được sửa đổi, bổ sung tại K18 Đ1 Luật số 62; - K2 Đ46 Luật ĐTC số 58;	
1.1	Điều chỉnh CTrĐT khi tăng thay đổi mục tiêu, địa điểm, Quy mô và tăng TMĐT lớn hơn TMĐT đã được duyệt tại CTrĐT	CĐT, CQ chuyên môn quản lý ĐTC, CQ có TQ	- K5 Đ46 Luật ĐTC số 58;	
1.2	CQ có TQ chấp thuận khi thay đổi mục tiêu, quy mô,	CĐT, CQ chuyên môn về	- K4 Đ61 Luật XD năm 2014	CĐT trình chủ trương

TT	Nội dung công việc	ĐV thực hiện	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
	địa điểm xây dựng (<i>Không phải điều chỉnh CTrĐT</i>)	xây dựng, Người có TQ		điều chỉnh ĐA
2	- Lập, thẩm định, phê duyệt nhiệm vụ - dự toán khảo sát lập BCNCKT điều chỉnh (nếu cần); - Điều chỉnh KH LCNT, HĐ tư vấn (nếu cần).	CĐT, Đơn vị tư vấn	- K1, 2 Đ10 NĐ số 10.	
3	Lập Hồ sơ BCNCKT điều chỉnh	CĐT, Đơn vị tư vấn		
4	Thẩm định Hồ sơ BCNCKT điều chỉnh	Sở quản lý XD chuyên ngành/Phòng QLĐT cấp huyện	- Nội dung thẩm định của CQ chuyên môn về XD theo Đ23 NĐ số 175. - Nội dung thẩm định của người quyết định đầu tư theo Đ12 NĐ số 15.	
5	Phê duyệt điều chỉnh dự án	Người quyết định đầu tư	K3 Đ46 Luật ĐTC số 58	
II. Dự án không có cấu phần xây dựng				
1	Xác định các trường hợp được thực hiện điều chỉnh dự án	CĐT	K2 Đ46 Luật ĐTC số 58	
2	Thẩm quyền quyết định điều chỉnh dự án	Người có TQ	K3 Đ46 Luật ĐTC số 58	
3	Điều chỉnh CTrĐT trước khi điều chỉnh ĐA, trong trường hợp điều chỉnh làm tăng TMĐT lớn hơn TMĐT đã được duyệt tại CTrĐT	CĐT, CQ chuyên môn quản lý ĐTC, Người/Cấp có TQ	K5 Đ46 Luật ĐTC số 58;	
4	Trình tự, thủ tục thẩm định, quyết định điều chỉnh dự án	CĐT, CQ chuyên môn quản lý ĐTC, Người có TQ	K6 Đ46 Luật ĐTC số 58; các K3,4,5 Đ25 NĐ số 85.	

2.7.2. Điều chỉnh thiết kế - dự toán

1. Sơ đồ tổng quát



2. Quy trình chi tiết

TT	Nội dung công việc	Đơn vị thực hiện	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
1	Lập nhiệm vụ KS,TK xây dựng điều chỉnh, bao gồm dự toán (nếu có)	CĐT, Đơn vị tư vấn	- Luật XD 2014, Luật số 62; - Đ30 NĐ số 175.	
2	Phê duyệt nhiệm vụ KS,TK xây dựng điều chỉnh	CĐT	- Đ76 Luật XD năm 2014; - Đ85 Luật XD năm 2014 sửa đổi tại K27 Đ1 Luật số 62; - Đ30 NĐ số 175. - Đ14 NĐ số 10.	
3	Điều chỉnh KH LCNT, hợp đồng tư vấn (nếu cần)	CĐT, Đơn vị tư vấn		
4	Lập Hồ sơ thiết kế điều chỉnh	CĐT, đơn vị tư vấn	- Các điều 79, 80 Luật XD năm 2014; - Các điều 11, 12 NĐ số 10.	
5	Thẩm định thiết kế điều chỉnh	CĐT	- Đ82 Luật XD năm 2014 sửa đổi tại K24 Đ1 Luật số 62; - Đ49 NĐ số 175.	CĐT có trách nhiệm tổng hợp KQTĐ của CQ chuyên môn

TT	Nội dung công việc	Đơn vị thực hiện	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
				về XD
5.1.	Trường hợp thay đổi về địa chất công trình, tải trọng thiết kế, giải pháp kết cấu, vật liệu của kết cấu chịu lực, biện pháp tổ chức thi công ảnh hưởng đến an toàn chịu lực			
a)	Công tác thẩm định của CĐT	CĐT	Đ83 Luật XD năm 2014 được sửa đổi, bổ sung tại K25 Đ1 Luật số 62.	
b)	Công tác thẩm định của Cơ quan chuyên môn Ghi chú: - ≤ 40 ngày đối với công trình cấp I, cấp đặc biệt; - ≤ 30 ngày đối với công trình cấp II và cấp III; - ≤ 20 ngày đ/v các CT còn lại.	Sở quản lý XD công trình chuyên ngành	- K2 Đ83a Luật XD năm 2014 được bổ sung tại K26 Điều 1 tại Luật số 62; - Các điều từ 44÷47 NB số 175.	
5.2.	Trường hợp KHÔNG thay đổi về địa chất công trình, tải trọng thiết kế, giải pháp kết cấu, vật liệu của kết cấu chịu lực, biện pháp tổ chức thi công ảnh hưởng đến an toàn chịu lực			
a)	Công tác thẩm định của CĐT	CĐT	Đ83 Luật XD năm 2014 được sửa đổi tại K25 Đ1 Luật số 62	
6	Phê duyệt thiết kế xây dựng triển khai sau TKCS	CĐT	- K8 Đ82 Luật XD năm 2014 sửa đổi tại K24 Đ1 Luật số 62; - Các điều 48,49 NB số 175; - Đ14 NB số 10.	

III. Kết thúc xây dựng đưa công trình vào khai thác sử dụng

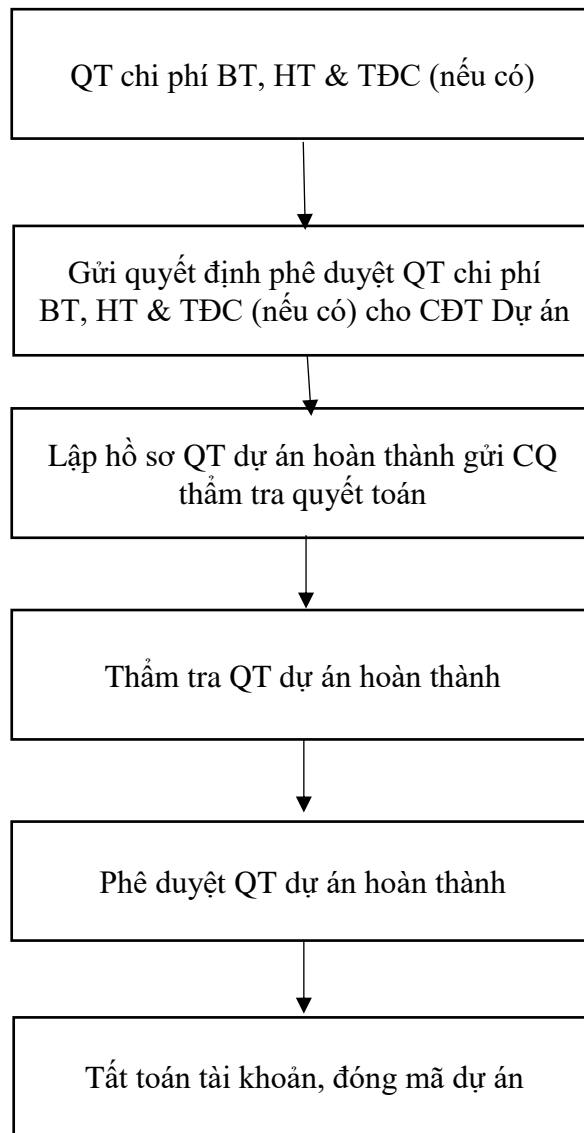
1. Kiểm tra công tác nghiệm thu công trình trước khi đưa công trình vào khai thác sử dụng (Đã được mô tả tại Phần II biểu của mục 2.4.2. Kiểm tra công tác nghiệm thu thi công xây dựng công trình).

2. Bàn giao công trình xây dựng đưa vào sử dụng

TT	Nội dung thực hiện	Đơn vị thực hiện	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
1	Bàn giao các tài liệu gồm bản vẽ hoàn công, quy trình hướng dẫn vận hành, quy trình bảo trì công trình, danh mục các TB, phụ tùng, vật tư dự trữ thay thế và các tài liệu cần thiết khác có liên quan.	Các nhà thầu thi công XDCT	Đ124 Luật XD năm 2014	
	*Lập bản vẽ hoàn công		Phụ lục IIB tại NB số 06.	

3. Trình tự, thủ tục quyết toán dự án hoàn thành

a. Sơ đồ tổng quát



b. Quy trình chi tiết.

TT	Nội dung công việc	Đơn vị thực hiện	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
Bước 1: Quyết toán chi phí BT, HT & TĐC (nếu có)				
1	Tổ chức làm nhiệm vụ BT, GPMB báo cáo QT chi phí BT, HT & TĐC trình Chủ tịch UBND cùng cấp với cấp có TQ phê duyệt DA BT, HT& TĐC để phê duyệt QT chi phí BT, HT&TĐC cư hoàn thành	Tổ chức làm nhiệm vụ BT, GPMB; Chủ tịch UBND cấp xã	- K3 Đ31 NĐ số 254; - K1 Đ23 Quy định của QĐ số 15.	
Bước 2: Gửi quyết định phê duyệt QT chi phí BT, HT & TĐC (nếu có)				
1	Tổ chức làm nhiệm vụ BT, GPMB gửi QĐ phê duyệt tới CĐT dự án ĐTXD công trình để tổng hợp vào báo cáo QT vốn ĐTC dự án hoàn thành chung của toàn bộ DA.	Tổ chức làm nhiệm vụ BT, GPMB; CĐT	Điểm b K3 Đ31 NĐ số 254.	
Bước 3: Lập hồ sơ QT dự án hoàn thành				
1	Lập hồ sơ QT DA hoàn thành.	CĐT; các nhà	- Đ46 NĐ số 254;	

TT	Nội dung công việc	Đơn vị thực hiện	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
	*Thời gian tối đa: - DA QTQG: 09 tháng; - DA nhóm A: 09 tháng; - DA nhóm B: 06 tháng; - DA nhóm C: 04 tháng.	thầu		
2	LCNT kiểm toán để kiểm toán báo cáo QT dự án hoàn thành (bắt buộc đối với DA QTQG, DA nhóm A); dự án nhóm B, C - việc thực hiện kiểm toán báo cáo QT do Người quyết định đầu tư quyết định.	CĐT	- Luật ĐT năm 2023; - NĐ số 24; - K3 Đ35 NĐ số 99.	CĐT thực hiện đấu thầu KT độc lập theo PL đấu thầu
Bước 4: Thẩm tra QT dự án hoàn thành				
1	Tiếp nhận HS và chủ trì thẩm tra QT * Thời hạn thẩm định tối đa: - DA quan trọng QG: 08 tháng; - DA nhóm A: 08 tháng; - DA nhóm B: 04 tháng; - DA nhóm C: 03 tháng.	Sở TC/Phòng KT (KT-HT&ĐT) cấp xã/Tổ thẩm tra quyết toán	Các điều từ điều 35÷43 NĐ số 254	
Bước 5: Phê duyệt QT dự án hoàn thành				
1	Thẩm quyền phê duyệt QT:			
-	Dự án hoặc DA thành phần, tiểu dự án độc lập của DA quan trọng QG	Chủ tịch UBND Thành phố/CT UBND cấp xã	Điểm a K1 Đ34 NĐ số 254.	
-	Dự án nhóm A	Chủ tịch UBND Thành phố	- Điểm b K1 Đ34 NĐ số 254; - Đ23 Quy định của QĐ số 15.	
-	Dự án nhóm B, C	Giám đốc Sở Tài c hình / Chủ tịch UBND cấp xã		
2	Hồ sơ trình phê duyệt QT vốn ĐTC dự án hoàn thành	Sở TC/Phòng KT (KT-HT và ĐT)	Đ44 NĐ số 254.	
3	T/g tối đa phê duyệt QT vốn ĐTC dự án hoàn thành: - Dự án quan trọng QG: 01 tháng; - Dự án nhóm A: 01 tháng; - Dự án nhóm B: 20 ngày; - Dự án nhóm C: 15 ngày;	Người có TQ phê duyệt QT	Đ46 NĐ số 254	
Bước 6: Tắt toán tài khoản, đóng mã dự án đầu tư XDCB				
1	1.1.Điều kiện tắt toán TK, đóng mã dự án: - Các DA đã được phê duyệt QT hoàn thành, đã hoàn thành thủ tục	CĐT, BQLDA	- K2 Đ11 TT số 185; - Đ13 NĐ số 11	

TT	Nội dung công việc	Đơn vị thực hiện	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
	TT công nợ phải thu, phải trả; DA đã được thu hồi hết số dư tạm ứng theo chế độ quy định. - TK tất toán khi số dư của TK bằng 0. 1.2.Hồ sơ tất toán TK: - Văn bản của CĐT, BQLDA đề nghị tất toán TK - Bảng đối chiếu DT và tình hình sử dụng kinh phí NSNN hoặc bảng xác nhận số dư TK tiền gửi			
2	- Đối chiếu số liệu, xác nhận số dư và thực hiện tất toán TK cho đơn vị - Gửi thông báo tất toán tài khoản của KB cho CĐT, BQLDA - Hàng năm lập Bảng thống kê các đơn vị có quan hệ với NS ngừng hoạt động gửi CQTC chính đồng cấp làm thủ tục đóng mã DA.	KBNN	NĐ số 11; TT số 185	
3	STC thực hiện đóng mã DA	STC	TT số 185	

* **Lưu ý** về việc QT vốn ĐTC đối với các nhiệm vụ, dự án dừng, ngừng, tạm ngừng, hủy bỏ, chấm dứt thực hiện theo quy định tại Nghị định số 254/2025/NĐ-CP.

c) Định hướng phân cấp, ủy quyền phê duyệt QT Dự án

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã được ủy quyền phê duyệt quyết toán chi phí bồi thường, hỗ trợ và tái định cư hoàn thành do tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng lập, trình báo cáo quyết toán đối với các trường hợp thuộc thẩm quyền thu hồi đất của Ủy ban nhân dân Thành phố.

2. Giám đốc Sở Tài chính thực hiện một số thẩm quyền liên quan đến quyết toán dự án đầu tư công thuộc thẩm quyền quyết định đầu tư của Chủ tịch UBND Thành phố sau đây:

a) Xem xét, quyết định việc thẩm tra, phê duyệt quyết toán công trình, hạng mục công trình độc lập (có thể vận hành độc lập, khai thác sử dụng độc lập) hoàn thành đưa vào sử dụng thuộc dự án có quy mô đến nhóm B;

b) Xem xét, quyết định việc thẩm tra, phê duyệt quyết toán chi phí đã thực hiện đối với dự án có toàn bộ dự án thành phần, tiểu dự án, công trình hoặc hạng mục xây dựng và thiết bị đã hoàn thành bàn giao đưa vào khai thác sử dụng thuộc dự án có quy mô đến nhóm B nhưng chi phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư chưa hoàn thành;

c) Xem xét, quyết định đấu thầu kiểm toán độc lập để kiểm toán báo cáo quyết toán dự án hoàn thành.

4. Bảo hành, bảo trì công trình xây dựng

4.1. Bảo hành công trình xây dựng

TT	Nội dung công việc	Đơn vị thực hiện	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
1	Trách nhiệm bảo hành CTXD	Các nhà thầu thi công, cung ứng TB	- K1 Đ125 Luật XD năm 2014; - Các Đ28, 29 NĐ số 06.	
2	Nội dung bảo hành		K2 Đ125 Luật XD năm 2014	
3	Thời gian bảo hành		- K3 Đ125 Luật XD năm 2014 - K5, K6 Đ28 NĐ số 06.	

4.2. Bảo trì công trình xây dựng

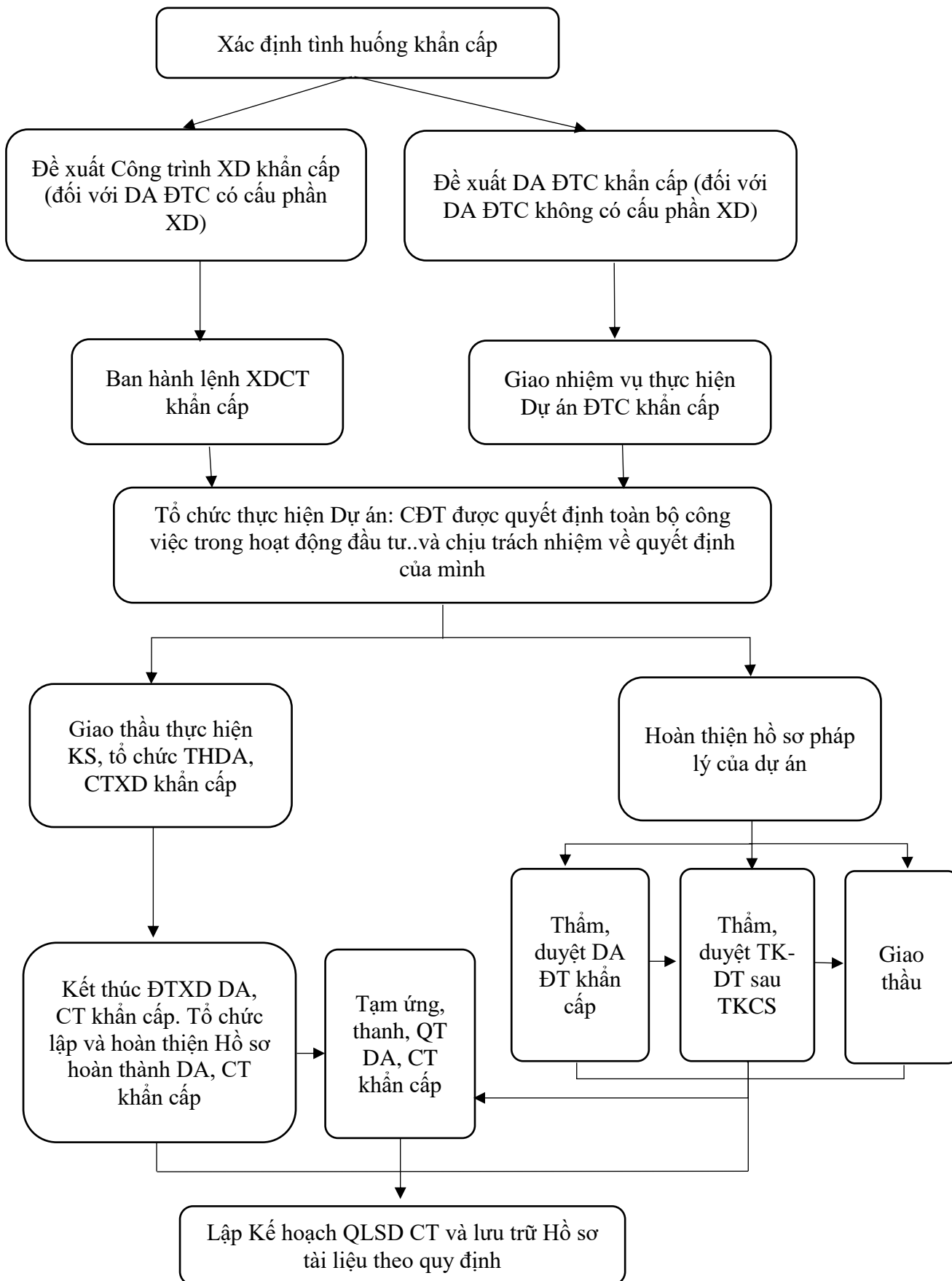
TT	Nội dung công việc	Đơn vị thực hiện	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
1	Lập và phê duyệt quy trình bảo trì CTXD	Nhà thầu TKXD; Nhà thầu cung cấp, lắp đặt TB; CĐT; Chủ sở hữu/Người QLSD CT	- Đ126 Luật XD năm 2014 sửa đổi tại K47 Đ1 Luật số 62; - Đ31 NĐ số 06.	
2	Lập kế hoạch và DT kinh phí bảo trì CTXD	Chủ sở hữu/ Người QLSD CT	- Đ32 NĐ số 06	
3	Thực hiện bảo trì và QLCL công việc bảo trì.	Chủ sở hữu/ Người QLSD CT	- Đ126 Luật XD năm 2014 sửa đổi tại K47 Đ1 Luật số 62; - Đ33 NĐ số 06.	
4	Đánh giá an toàn công trình.	UBND TP; Tổ chức đánh giá an toàn CT; Chủ sở hữu/ Người QLSD CT	- K4,5 Đ126 Luật XD năm 2014 sửa đổi tại K47 Đ1 Luật số 62; - Các Đ36 ÷ 39 NĐ số 06.	
5	Lập và quản lý hồ sơ bảo trì CTXD	CĐT; Chủ sở hữu/ Người QLSD CT	- K7, K8 Đ34 NĐ số 06.	

PHẦN B
TRÌNH TỰ, THỦ TỤC ĐỐI VỚI
DỰ ÁN, CÔNG TRÌNH
KHẨN CẤP

1. Trình tự, thủ tục ban hành lệnh XDCT khẩn cấp

1.1. Lập, trình đề nghị thực hiện XDCT khẩn cấp;

a. Sơ đồ tổng quát



b. Quy trình chi tiết

TT	Nội dung thực hiện	Đơn vị thực hiện	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
Bước 1: Ban hành Lệnh XDCT khẩn cấp/Quyết định giao nhiệm vụ THDA ĐTC khẩn cấp				
1	Đề xuất CTXD khẩn cấp (đ/v DA ĐTC có cấu phần XD) /Đề xuất DA ĐTC khẩn cấp (đ/v DA ĐTC không có cấu phần XD)	CQ chuyên môn quản lý ngành, lĩnh vực	- K15 Đ4 Luật ĐTC số 58; - Điểm a K1 Đ30 Luật XD năm 2014 sửa đổi tại K48 Đ1 của Luật số 62.	
2	Ban hành Lệnh XDCT khẩn cấp (đ/v DA ĐTC có cấu phần XD)/Quyết định giao n/v THDA ĐTC khẩn cấp (đ/v DA ĐTC không có cấu phần XD)	Chủ tịch UBND các cấp	- K1, 2 Đ69 NĐ số 175; - K1 Đ45 Luật ĐTC số 58;	
3	Tổ chức lập, thẩm định và quyết định đầu tư Dự án	Người có thẩm quyền	- K2 Đ45 Luật ĐTC số 58	
Bước 2: Tổ chức thực hiện xây dựng công trình khẩn cấp; Dự án đầu tư công khẩn cấp (thực hiện song song các công việc 2, 3, 4 và 5)				
1	Quyết định cơ chế đặc thù tổ chức thực hiện dự án, công trình xây dựng khẩn cấp			
a	Đối với CTXD khẩn cấp quy định tại Điểm a K1 Đ130 Luật XD 2014 sửa đổi tại K48 Đ1 của Luật số 62	Người được giao QL, thực hiện XDCT	- Điểm a K1,2 Đ30 Luật XD năm 2014 sửa đổi, bổ sung tại K48 Đ1 của Luật số 62. - K3,4,5 Điều 69 NĐ số 175	
b	Đối với DA ĐTC khẩn cấp (không có cấu phần XD)	Cấp có TQ quyết định đầu tư DA có thể ủy quyền cho CĐT quyết định và chịu trách nhiệm	- K2 Đ46 Luật ĐTC số 58; - K5 Đ26 NĐ số 85.	
c	Đối với CTXD khẩn cấp quy định tại Điểm b K1 Đ130 Luật XD 2014 sửa đổi, bổ sung tại K48 Đ1 của Luật số 62	Thủ tướng Chính phủ	K3 Đ130 Luật XD năm 2014 sửa đổi tại K48 Đ1 của Luật số 62	
2	Giao thầu KS, tổ chức THDA, CT XD khẩn cấp	Người được giao QL thực hiện dự án, công trình	- K3 Điều 69 NĐ số 175; - K5 Điều 26 NĐ số 85	
3	Tổ chức lập và hoàn thiện hồ sơ hoàn thành DA, CT	Người được giao QL THDA, CT	- K4 Đ30 Luật XD năm 2014 sửa đổi, bổ sung tại K48 Đ1 của Luật số 62;	

TT	Nội dung thực hiện	Đơn vị thực hiện	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
			- K5 Đ69 NĐ số 175.	
a	Kiểm tra, đánh giá lại CLCT đã được XD và thực hiện bảo hành công trình			
b	Hoàn thiện hồ sơ hoàn thành CT			
4	Hoàn thiện hồ sơ pháp lý của DA			
4.1	Lập, thẩm định và phê duyệt DA đầu tư			
a	Hoàn thiện hồ sơ đề xuất DA đầu tư	CQ chuyên môn hoặc đơn vị có chức năng	- K2 Đ45 Luật ĐTC số 58	
b	Thẩm định hồ sơ đề xuất DA đầu tư khẩn cấp	CQ chuyên môn quản lý ĐTC hoặc CQ chuyên môn về XD chuyên ngành trực thuộc cấp Quyết định đầu tư		
c	Phê duyệt đề xuất dự án đầu tư khẩn cấp	Cấp /Người có TQ		
4.2	Lập, thẩm định và phê duyệt TK-DT (sau TKCS)	Người được giao QL THDA, công trình và nhà thầu Tư vấn	K3 Đ45 Luật ĐTC số 58	
4.3	Hoàn thiện thủ tục giao thầu	Người được giao QL THDA, công trình và Nhà thầu		
5	Tạm ứng, thanh, QTDA, công trình	Người được giao QL THDA, công trình và nhà thầu	Đ16 NĐ số 254	
6	Lập kế hoạch quản lý sử dụng công trình hoặc phá dỡ công trình để hoàn trả lại MB nếu CTXD khẩn cấp không phù hợp với QH	Người được giao QLSD công trình	K5 Đ130 Luật XD năm 2014 sửa đổi tại K48 Đ1 của Luật số 62	
7	Hoàn thiện hồ sơ hoàn thành công trình; Lưu trữ hồ sơ, tài liệu theo quy định của pháp luật về XD; QT công trình hoàn thành.	Người được giao QL THDA và Người được giao QLSD công trình	Điểm b,c K4 Đ130 Luật XD năm 2014 sửa đổi tại K48 Đ1 của Luật số 62.	

PHẦN C
CÁC PHỤ LỤC KÈM THEO

Phụ lục số 1.1**BIỂU TỔNG HỢP QUY TRÌNH CÁC BƯỚC LẬP, THẨM ĐỊNH VÀ GIAO KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN CỦA ĐỊA PHƯƠNG THEO PHÁP LUẬT ĐẦU TƯ CÔNG**

STT	Các bước lập, thẩm định, trình duyệt, giao Kế hoạch	Cơ quan thực hiện	Thời gian	Dẫn chiếu Điều, khoản
I	Ban hành nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ và hướng dẫn lập KH đầu tư công trung hạn			
1	Trình, phê duyệt nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn sau.	BTC báo cáo Chính phủ trình UBND QH phê duyệt	Trước ngày 01-07 năm thứ 4	K2 Đ43 NĐ số 85
2	Ban hành Văn bản hướng dẫn về việc lập kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn sau (của địa phương)	STC trình Chủ tịch UBND Thành phố/UBND Thành phố	Ngay sau khi có Chỉ đạo về nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ĐTC trung hạn giai đoạn sau của UBND QH	Điểm a K4, Đ43 NĐ số 85
II	Lập, thẩm định Kế hoạch đầu tư công trung hạn			
II.1	Vòng 1			
3	Cơ quan lập KH ĐTC trung hạn cấp tỉnh giai đoạn sau tổng hợp nhu cầu KH ĐTC trung hạn cấp tỉnh giai đoạn sau chi tiết theo từng nguồn vốn, mức vốn cho từng chương trình, nhiệm vụ, dự án và đối tượng đầu tư công khác, trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trình Hội đồng nhân dân cấp tỉnh cho ý kiến về nhu cầu KH ĐTC trung hạn giai đoạn sau	Sở Tài chính; UBND Thành phố	Theo chỉ đạo của UBND Thành phố	Điểm b K4 Đ43 NĐ số 85 được sửa đổi tại điểm b K10 Đ1 NĐ số 275
4	Tổng hợp nhu cầu KH ĐTC trung hạn giai đoạn sau của	UBND Thành phố	Theo tiến độ theo	Điểm c K4 Đ43 NĐ số 85

STT	Các bước lập, thẩm định, trình duyệt, giao Kế hoạch	Cơ quan thực hiện	Thời gian	Dẫn chiếu Điều, khoản
	cấp tỉnh, xã chi tiết theo từng nguồn vốn, mức vốn cho từng chương trình, nhiệm vụ, dự án và đối tượng đầu tư công khác, gửi Bộ Tài chính		quy định của Thủ tướng Chính phủ	được sửa đổi tại điểm c K10 Đ1 NĐ số 275
II.2	Vòng 2			
5	Trình Chính phủ dự kiến khả năng cân đối ngân sách nhà nước cho chi đầu tư phát triển trong giai đoạn sau cho từng bộ, cơ quan trung ương và địa phương	Bộ Tài chính	Trước ngày 15 - 12 năm thứ 4	K 4 Đ59 Luật ĐTC số 58; K5 Đ43 NĐ số 85
6	Thông báo tổng mức vốn ĐTC của giai đoạn sau cho các bộ, cơ quan trung ương và địa phương	Thủ tướng Chính phủ	Trước ngày 15 - 12 năm thứ 4	K4 Đ 59 Luật ĐTC số 58; K5 Đ43 NĐ số 85
7	Thông báo dự kiến khả năng cân đối NSNN cho chi ĐTC trong giai đoạn sau cho từng cơ quan, đơn vị trực thuộc và Ủy ban nhân dân cấp xã làm cơ sở để lập dự kiến KH ĐTC trung hạn giai đoạn sau	Sơ Tài chính tham mưu; UBND Thành phố ban hành	Sau khi TTg TB tổng mức vốn ĐTC giai đoạn sau tại bước 6	Điểm a K7 Đ43 NĐ số 85 được sửa đổi tại điểm đ K10 Đ1 NĐ số 275
8	Cơ quan lập KH ĐTC trung hạn cấp tỉnh giai đoạn sau tổng hợp, trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trình Hội đồng nhân dân cấp tỉnh cho ý kiến về nhu cầu KH ĐTC trung hạn giai đoạn sau	Sở Tài chính; UBND Thành phố	Trước 31 tháng 7 năm thứ năm	Điểm b K7 Đ43 NĐ số 85
9	Ủy ban nhân dân cấp xã tổ chức lập dự kiến KH ĐTC trung hạn giai đoạn sau của cấp mình, trình Hội đồng nhân dân cùng cấp cho ý kiến; Hoàn thiện, gửi Ủy ban nhân dân cấp trên theo quy định	UBND cấp xã	Trước 31 tháng 7 năm thứ năm	Điểm c K7 Đ43 NĐ số 85 được sửa đổi tại điểm e K10 Đ1 NĐ số 275
10	Tổng hợp dự kiến KH ĐTC trung hạn giai đoạn sau của cấp tỉnh, xã chi tiết theo từng nguồn vốn, mức vốn cho từng chương trình, nhiệm vụ, dự án và đối tượng đầu tư công khác và các nội dung theo quy định tại Điều 52 Luật ĐTC số 58, gửi Bộ Tài chính	Sở Tài chính; UBND Thành phố	Trước ngày 30 tháng 8 năm thứ năm	Điểm d K7 Đ43 NĐ số 85 được sửa đổi tại điểm g K10 Đ1 NĐ số 275
II.3	Vòng 3			
11	Tổng hợp, tham mưu trình Chính phủ trình Quốc hội	Bộ Tài chính	Tại kỳ họp cuối năm	K6 Đ59 Luật ĐTC số 58

STT	Các bước lập, thẩm định, trình duyệt, giao Kế hoạch	Cơ quan thực hiện	Thời gian	Dẫn chiếu Điều, khoản
	dự kiến KH ĐTC trung hạn giai đoạn sau để Quốc hội cho ý kiến về các nội dung theo quy định tại Điều 52 của Luật ĐTC số 58		của năm thứ 5 nhiệm kỳ Quốc hội	K8 Đ 43 NĐ số 85
12	Trên cơ sở ý kiến của Quốc hội, tham mưu UBND Thành phố giao các đơn vị hoàn thiện KH ĐTC trung hạn giai đoạn sau	Sở Tài chính	Theo ý kiến chỉ đạo của Quốc hội	K10 Đ43 NĐ số 85
13	Hoàn thiện KH ĐTC trung hạn cấp tỉnh giai đoạn sau chi tiết theo từng nguồn vốn, mức vốn cho từng chương trình, nhiệm vụ, dự án và đối tượng đầu tư công khác, gửi Sở Tài chính.	Các Sở, ngành, Ban QLDA chuyên ngành TP, các Chủ đầu tư cấp Thành phố		Điểm a K10 Đ43 NĐ số 85
	Tổng hợp KH ĐTC trung hạn cấp tỉnh giai đoạn sau chi tiết theo từng nguồn vốn, mức vốn cho từng chương trình, nhiệm vụ, dự án và đối tượng đầu tư công khác, trình UBND Thành phố để trình HĐND Thành phố phê duyệt	Sở Tài chính	Trước ngày 10/3 năm thứ 1 KH ĐTC giai đoạn sau	
14	Hoàn thiện KH ĐTC trung hạn giai đoạn sau của cấp xã, trình Hội đồng nhân dân cùng cấp phê duyệt và gửi Ủy ban nhân dân cấp trên theo quy định;	UBND cấp xã	Trước ngày 10/3 năm thứ 1 KH ĐTC giai đoạn sau	Điểm b K10 Đ43 NĐ số 85 được sửa đổi tại điểm i K10 Đ1 NĐ số 275
15	Tổng hợp KH ĐTC trung hạn giai đoạn sau của cấp tỉnh, cấp xã chi tiết theo từng nguồn vốn, mức vốn cho từng chương trình, nhiệm vụ, dự án và đối tượng đầu tư công khác và các nội dung theo quy định tại Điều 52 Luật Đầu tư công, gửi Bộ Tài chính	Sở Tài chính	Theo tiến độ theo quy định của TTg CP phủ và hướng dẫn của BTC.	Điểm c K10 Đ43 NĐ số 85 được sửa đổi tại điểm k K10 Đ1 NĐ số 275
III	Trình duyệt và giao KH ĐTC trung hạn (vòng 4)			
III.1	Cấp Trung ương			
16	Tổng hợp, tham mưu trình Chính phủ trình Quốc hội khóa mới xem xét, quyết định KH ĐTC trung hạn	Bộ Tài chính	Kỳ họp thứ nhất Quốc hội khóa mới	K7 Đ59 Luật ĐTC số 58; Điểm bK27 Đ7 Luật số 90;

STT	Các bước lập, thẩm định, trình duyệt, giao Kế hoạch	Cơ quan thực hiện	Thời gian	Dẫn chiếu Điều, khoản
				K11 Đ43 NĐ 85
17	Giao KH ĐTC trung hạn cho các Bộ, cơ quan trung ương và địa phương	Thủ tướng Chính phủ		K8 Đ59 Luật ĐTC số 58, được sửa đổi tại điểm c K27Đ7 Luật số 90; K12 Đ43 NĐ số 85 được sửa đổi tại điểm l K10 Đ1 NĐ số 275
III.2	Cấp địa phương			
18	Căn cứ Nghị quyết của Quốc hội về KH ĐTC trung hạn giai đoạn mới và Nghị quyết của HĐND Thành phố về kế hoạch phát triển kinh tế xã hội 5 năm; Sở Tài chính tham mưu UBND Thành phố trình HĐND Thành phố ban hành Nghị quyết về KH ĐTC trung hạn giai đoạn mới; đồng thời tham mưu báo cáo gửi Bộ Tài chính để tổng hợp; (Nội dung Nghị quyết bao gồm tổng mức vốn KH ĐTC trung hạn, danh mục, mức vốn bố trí cho từng dự án, tổng mức vốn cho nhiệm vụ quy hoạch, tổng mức vốn cho nhiệm vụ chuẩn bị đầu tư, đối tượng đầu tư công khác sử dụng nguồn vốn NS cấp tỉnh và mức vốn bổ sung có mục tiêu cho NS cấp dưới)	Sở Tài chính	Sau khi QH ban hành NQ về KH ĐTC trung hạn g/đ sau và theo lịch họp HĐND Thành phố (dự kiến T6,7 năm thứ nhất KH ĐTC giai đoạn sau)	Điểm a K9 Đ59 Luật ĐTC 2024, được sửa đổi tại điểm d K27 Đ7 Luật số 90
19	Tham mưu Quyết định của UBND Thành phố về giao KH ĐTC trung hạn giai đoạn sau	Sở Tài chính	Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày HĐND T.phố ban hành NQ về KH ĐTC trung hạn giai đoạn sau	Điểm c K9 Đ59 Luật ĐTC số 58, được sửa đổi tại điểm d K27 Đ7 Luật số 90
	Đối với cấp xã			

STT	Các bước lập, thẩm định, trình duyệt, giao Kế hoạch	Cơ quan thực hiện	Thời gian	Dẫn chiếu Điều, khoản
20	Ban hành Nghị quyết kế hoạch đầu tư công trung hạn cấp xã giai đoạn sau	HĐND cấp xã	Sau khi HĐND T. phố ban hành NQ về KH ĐTC trung hạn g/đ sau	Điểm b K9 Đ 59 Luật ĐTC 2024, được sửa đổi tại điểm d K 27Đ7 Luật số 90
21	Ban hành Quyết định về kế hoạch đầu tư công trung hạn cấp xã giai đoạn sau	UBND cấp xã	Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày HĐND cấp xã ban hành NQ về KH ĐTC trung hạn giai đoạn sau	Điểm c khoản 9 Điều 59 Luật ĐTC 2024, được sửa đổi tại điểm d K 27Đ7 Luật số 90
IV	Điều chỉnh KH đầu tư công trung hạn (cấp địa phương)			
1	Điều chỉnh KH ĐTC trung hạn do điều chỉnh mục tiêu của kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của địa phương	HĐND các cấp		Điểm a K7 Đ71 Luật ĐTC số 58
2	Điều chỉnh KH ĐTC trung hạn do thay đổi đột biến về cân đối thu ngân sách địa phương hoặc khả năng huy động các nguồn vốn của địa phương	HĐND các cấp		Điểm b K7 Đ71 Luật ĐTC số 58
3	Điều chỉnh KH ĐTC trung hạn vốn NSTW do cấp mình quản lý trong trường hợp không thay đổi tổng mức vốn trung hạn đã được cấp có thẩm quyền quyết định	UBND cấp tỉnh	Báo cáo Bộ Tài chính trong 03 ngày làm việc	K5 Đ71 Luật ĐTC số 58; K5 Đ50 NĐ số 85 được sửa đổi tại K13 Đ1 NĐ số 275
4	Điều chỉnh KH ĐTC trung hạn vốn NSDP trong trường hợp không thay đổi tổng mức vốn trung hạn đã được HĐND cùng cấp quyết định	UBND các cấp	Trước ngày 15 tháng 12 năm KH và Báo cáo HĐND cùng cấp tại kỳ họp gần nhất	K8 Đ71 Luật ĐTC số 58; K6 Đ50 NĐ số 85 được sửa đổi tại K13 Đ1 NĐ số 275

Phụ lục số 1.2

BIỂU TỔNG HỢP QUY TRÌNH CÁC BƯỚC LẬP, THẨM ĐỊNH VÀ GIAO KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG HÀNG NĂM CỦA ĐỊA PHƯƠNG THEO PHÁP LUẬT ĐẦU TƯ CÔNG

STT	Các bước lập, thẩm định, phê duyệt và giao Kế hoạch	Cơ quan thực hiện	Thời gian	Dẫn chiếu Điều, khoản
I	Ban hành Chỉ thị và hướng dẫn lập Kế hoạch đầu tư công hàng năm			
1	Ban hành quy định về việc lập KH phát triển kinh tế - xã hội và dự toán NSNN năm sau bao gồm mục tiêu, định hướng chủ yếu và giao nhiệm vụ triển khai xây dựng KH ĐTC năm sau	Thủ tướng Chính phủ	Trước ngày 15-5 hàng năm	K1 Đ44 NĐ số 85.
2	Hướng dẫn các Bộ, cơ quan trung ương và địa phương KH phát triển kinh tế - xã hội và mục tiêu, yêu cầu, nội dung, thời gian, tiến độ lập KH ĐTC năm sau	Bộ Tài chính	Chậm nhất 10 ngày sau khi TTg CP ban hành quy định	K2 Đ44 NĐ số 85, sửa đổi tại điểm a K11 Đ1 NĐ số 275
3	UBND Thành phố ban hành VB hướng dẫn dẫn cơ quan, đơn vị cấp dưới lập KH ĐTC năm sau	Sở Tài chính trình Chủ tịch UBND TP	Chậm nhất 7 ngày sau khi BTC ban hành VB hướng dẫn	K3 Đ44 NĐ số 85, sửa đổi tại điểm b K11 Đ1 NĐ số 275
II	Lập, trình phê duyệt KH ĐTC hàng năm (cấp địa phương)			
4	Tổng hợp nhu cầu KH ĐTC vốn NSNN hàng năm, gửi Bộ Tài chính (vòng 1)	Sở Tài chính, UBND Thành phố	Trước ngày 10-7 hàng năm	K4 Đ44 NĐ số 85, sửa đổi tại điểm c K11 Đ1 NĐ số 275
5	Bộ Tài chính trình Chính phủ thông qua dự kiến PA bố trí vốn KH ĐTC vốn NS TW năm sau và thông báo cho các bộ, cơ quan TW và địa phương số vốn đầu tư phát triển nguồn NSTW	Bộ Tài chính	Trước ngày 10-8 hàng năm	Điểm a K5 Đ44 NĐ số 85, sửa đổi tại điểm đ K11 Đ1 NĐ số 275
6	UBND các cấp trình HĐND cùng cấp dự kiến KH	UBND cấp		K6 Đ44 NĐ số 85, sửa đổi

STT	Các bước lập, thẩm định, phê duyệt và giao Kế hoạch	Cơ quan thực hiện	Thời gian	Dẫn chiếu Điều, khoản
	ĐTC năm sau, bao gồm danh mục và mức vốn bố trí cho từng chương trình, nhiệm vụ, dự án	tỉnh, cấp xã		tại điểm e K11 Đ1 NĐ số 275
7	Hoàn thiện dự kiến KH ĐTC năm sau gửi Bộ Tài chính (vòng 2)	Sở Tài chính, UBND Thành phố	Trước ngày 01-9 hàng năm	K7 Đ44 NĐ số 85 sửa đổi tại điểm g K11 Đ1 NĐ số 275
8	Tổng hợp KH ĐTC năm sau của quốc gia báo cáo Chính phủ	Bộ Tài chính	Trước ngày 20-9 hàng năm	K8 Đ44 NĐ số 85
III	Trình duyệt và giao KH ĐTC hàng năm			
III.1	Cấp Trung ương			
9	Quyết định KH ĐTC năm sau	Quốc hội	Kỳ họp cuối năm của QH	K4 Đ60 Luật ĐTC số 58.
10	Giao KH vốn NSNN năm sau theo tổng mức vốn và cơ cấu vốn đã được Quốc hội quyết định cho các Bộ, cơ quan TW và địa phương	Thủ tướng Chính phủ	Trước ngày 15-12 hàng năm	K5 Đ60 Luật ĐTC số 58; K9 Đ44 NĐ số 85 được sửa đổi tại điểm h K11 Đ1 NĐ số 275
III.2	Cấp địa phương			
11	Trình HĐND các cấp phê duyệt KH ĐTC công năm sau, bao gồm danh mục và mức vốn bố trí cho từng dự án	UBND Thành phố; UBND cấp xã	Kỳ họp cuối năm của HĐND các cấp	Điểm a, b K7 Đ60 Luật ĐTC số 58; K6 Đ44 NĐ số 85
12	Phê duyệt KH ĐTC hàng năm các cấp, bao gồm danh mục và mức vốn bố trí cho từng dự án.	HĐND Thành phố; HĐND cấp xã	Kỳ họp cuối năm của HĐND các cấp	Điểm a, b, K7 Đ60 Luật ĐTC năm 2024.
13	Giao KH ĐTC năm sau cho các đơn vị thực hiện	UBND các cấp	Trước ngày 31- 12 hàng năm	Điểm c, K7, Điều 60 Luật ĐTC số 58; K10 Đ44 NĐ số 85 được sửa đổi tại điểm h K11 Đ1 NĐ số 275
IV	Điều chỉnh KH ĐTC hàng năm (cấp địa			

STT	Các bước lập, thẩm định, phê duyệt và giao Kế hoạch	Cơ quan thực hiện	Thời gian	Dẫn chiếu Điều, khoản
	phương)			
1	Điều chỉnh KH ĐTC hàng năm do điều chỉnh mục tiêu của kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của địa phương	HĐND các cấp		Điểm a K7 Đ71 Luật ĐTC số 58
2	Điều chỉnh KH ĐTC hàng năm do thay đổi đột biến về cân đối thu ngân sách địa phương hoặc khả năng huy động các nguồn vốn của địa phương	HĐND các cấp		Điểm b K7 Đ71 Luật ĐTC số 58
3	Điều chỉnh KH ĐTC hàng năm vốn NSTW do cấp mình quản lý trong trường hợp không thay đổi tổng mức vốn trung hạn đã được cấp có thẩm quyền quyết định	UBND cấp tỉnh	Trước ngày 15 tháng 12 năm KH và Báo cáo BTC trong 03 ngày làm việc + BC HĐND cấp tỉnh tại kỳ họp gần nhất	K5 Đ71 Luật ĐTC số 58; K5 Đ50 NĐ số 85 được sửa đổi tại K13 Đ1 NĐ số 275
4	Điều chỉnh KH ĐTC hàng năm vốn NSDP trong trường hợp không thay đổi tổng mức vốn hằng năm đã được HĐND cùng cấp quyết định	UBND các cấp	Trước ngày 15 tháng 12 năm KH và Báo cáo HĐND cùng cấp tại kỳ họp gần nhất	K8 Đ71 Luật ĐTC số 58; K6 Đ50 NĐ số 85 được sửa đổi tại K13 Đ1 NĐ số 275

Phụ lục số 1.3

CÁC CƠ CHẾ THANH TOÁN LINH HOẠT KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ CÔNG HÀNG NĂM

TT	Nội dung	Đối tượng áp dụng	Điều kiện áp dụng	Quy định thanh toán	Ghi chú
1	Vốn CBĐT	Các dự án đầu tư công cấp Thành phố (<i>không bao gồm các dự án cấp huyện quyết định đầu tư trước khi thực hiện chính quyền địa phương 02 cấp nay chuyển về dự án cấp Thành phố</i>)	<ul style="list-style-type: none"> - Các dự án đã được Chủ tịch UBND Thành phố giao nhiệm vụ chuẩn bị đầu tư; - Có dự toán chi phí chuẩn bị đầu tư được cấp có thẩm quyền phê duyệt theo đúng quy định. 	<ul style="list-style-type: none"> - Thanh toán trong tổng nguồn vốn giao cho công tác CBĐT hàng năm, không phụ thuộc mức vốn giao của từng dự án và đảm bảo đ/k theo quy định hiện hành của Nhà nước. - K26 Đ7 Luật số 90 quy định: “<i>Vốn thực hiện nhiệm vụ chuẩn bị đầu tư được bố trí để lập, thẩm định, quyết định chủ trương đầu tư dự án; lập, thẩm định, quyết định đầu tư dự án</i>”. - Hồ sơ thanh toán đảm bảo theo quy định tại NĐ số 254/2025/NĐ-CP 	Nghị quyết số 424/NQ-HĐND ngày 29/9/2025; 1206/UBND-KH&ĐT ngày 23/4/2022
2	Vốn CBDA đầu tư thực hiện theo phương thức đối tác công tư (PPP)	Dự án đầu tư thực hiện theo phương thức đối tác công tư (PPP) thuộc danh mục được HĐND Thành phố thông qua tại Kế hoạch đầu tư công trung hạn 5	Dự án được cấp cơ quan có thẩm quyền (UBND Thành phố) giao nhiệm vụ chuẩn bị dự án PPP và có dự toán chi phí chuẩn bị dự án PPP	<ul style="list-style-type: none"> - Thanh toán trong tổng nguồn vốn giao cho công tác CBĐT, không phụ thuộc mức vốn giao của từng dự án và đảm bảo đ/k theo quy định 	1783/UBND-KH&ĐT ngày 12/6/2023

TT	Nội dung	Đối tượng áp dụng	Điều kiện áp dụng	Quy định thanh toán	Ghi chú
		năm 2021-2025 của Thành phố	được cấp có thẩm quyền phê duyệt.	hiện hành của Nhà nước. - Hồ sơ thanh toán đảm bảo theo quy định tại NĐ số 254/2025/NĐ-CP	
3	Vốn BT, HT, TĐC khi Nhà nước thu hồi đất	Các dự án đầu tư công cấp Thành phố đã được cấp có TQ quyết định đầu tư theo quy định, thuộc danh mục KH ĐTC hàng năm và KH ĐTC trung hạn 5 năm 2021-2025 được HĐND Thành phố thông qua	+ Các dự án có phát sinh tăng chi phí BT, HT dẫn đến tăng kế hoạch vốn so với KH đã được giao; đã thanh toán hết KHV đã được cấp có TQn bố trí trong năm hoặc số vốn còn lại không đủ thanh toán cho phương án BT, HT đã được duyệt hoặc đang trình phê duyệt. + Các dự án được phê duyệt, phát sinh trong năm có công tác BT, HT, TĐC khi Nhà nước thu hồi đất.	- Thanh toán từ nguồn vốn bố trí cho công tác này trong KH ĐTC hàng năm và KH ĐTC trung hạn 5 năm 2021-2025 của Thành phố theo tiến độ và dự toán kinh phí BT, HT, TĐC được duyệt mà không phụ thuộc mức vốn giao cụ thể của từng DA, không vượt chi phí BT, HT, TĐC trong TMĐT được duyệt của dự án. - Hồ sơ thanh toán đảm bảo theo quy định tại Nghị định số 254/2025/NĐ-CP	1206/UBND-KH&ĐT
4	Vốn các nhiệm vụ quy hoạch	+ Các nhiệm vụ quy hoạch cấp Thành phố mới triển khai trong các năm giai đoạn 2021-2025 được cấp có TQ quyết định giao nhiệm vụ quy hoạch sử dụng nguồn vốn ĐTC; + Các nhiệm vụ quy hoạch cấp Thành phố chuyển tiếp từ năm 2022 trở về trước nhưng đến nay	Nhiệm vụ quy hoạch đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt dự toán và cấp có thẩm quyền quyết định sử dụng vốn ĐTC	Hồ sơ thanh toán đảm bảo theo quy định tại NĐ số 254/2025/NĐ-CP	1206/UBND-KH&ĐT

TT	Nội dung	Đối tượng áp dụng	Điều kiện áp dụng	Quy định thanh toán	Ghi chú
		chưa hoàn thành được cấp có thẩm quyền quyết định điều chỉnh phần kinh phí dự toán còn lại sử dụng nguồn vốn đầu tư công			
5	Vốn TQT các dự án hoàn thành	Áp dụng cho các dự án đầu tư thuộc thẩm quyền phê duyệt QT của Chủ tịch UBND Thành phố hoặc cơ quan được ủy quyền của Chủ tịch UBND Thành phố	Dự án đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt QTDA hoàn thành	Hồ sơ thanh toán đảm bảo theo quy định tại NĐ số 254/2025/NĐ-CP	1206/UBND-KH&ĐT ngày 23/4/2022
6	Vốn thực hiện lập thiết kế kỹ thuật, thiết kế bản vẽ thi công, dự toán	Dự án ĐTC Thành phố trong danh mục KH ĐTC trung hạn 5 năm 2021-2025 được HĐND Thành phố thông qua, chưa được bố trí KHV hàng năm hoặc nhu cầu về KHV vượt KHV đã bố trí, cần bố trí bổ sung KHV đủ để lập TKKT, TKBVTC, DT của DA và các công việc khác phục vụ nội dung này theo quy định, quyết định phê duyệt DA	Dự án đã được cấp có thẩm quyền quyết định đầu tư	<ul style="list-style-type: none"> - Thanh toán trong tổng nguồn vốn giao cho công tác lập TKKT, TKBVTC, DT theo KH ĐTC hằng năm và KH ĐTC trung hạn g/đ 2021-2025 của Thành phố được cấp có TQ phê duyệt, không phụ thuộc mức vốn giao của từng DA và đảm bảo đ/k theo quy định hiện hành của Nhà nước. - Kinh phí lập TKKT, TKBVTC, DT của DA hoặc hạng mục của DA phải trong TMĐT của DA được cấp có TQ phê duyệt và đảm bảo đúng quy định hiện hành của Nhà nước. 	1783/UBND-KH&ĐT ngày 12/6/2023

TT	Nội dung	Đối tượng áp dụng	Điều kiện áp dụng	Quy định thanh toán	Ghi chú
				- Hồ sơ thanh toán đảm bảo theo quy định tại NĐ 254/2025/NĐ-CP.	
7	Quy trình triển khai chung của các loại vốn linh hoạt trên				<ul style="list-style-type: none"> - Chủ đầu tư/ Cơ quan được giao nhiệm vụ gửi văn bản đề xuất bố trí vốn linh hoạt đến Sở Tài chính. - Sở Tài chính rà soát, thông báo kế hoạch vốn tạm ứng giải ngân linh hoạt và phân bổ dự toán trên hệ thống Tabmis; - KBNN Khu vực I thực hiện giải ngân cho các nhiệm vụ nêu trên.

Phụ lục 2

TRÌNH TỰ GIẢI PHÓNG MẶT BẰNG

Trình tự, thủ tục bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, thu hồi đất vì mục đích quốc phòng, an ninh; phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng

(Nguồn: Sổ tay **hướng dẫn công tác quản lý Nhà nước trong lĩnh vực đất đai do Bộ Nông nghiệp và Môi trường ban hành năm 2025**)

Bước 1. *Giao nhiệm vụ thực hiện bồi thường, hỗ trợ, tái định cư:*

Phòng Kinh tế/Kinh tế - Hạ tầng và Đô thị tham mưu Chủ tịch UBND xã giao nhiệm vụ cho Ban quản lý Dự án đầu tư - hạ tầng xã/phường thực hiện nhiệm vụ bồi thường, hỗ trợ, tái định cư của Dự án.

Bước 2. *Bàn giao hồ sơ về dự án, quy hoạch, mốc giới, phạm vi GPMB (K1 Đ 22 và K1 Đ26 Quyết định số 56/2024/QĐ-UBND)*

Chủ đầu tư bàn giao cho chính quyền địa phương và Đơn vị thực hiện nhiệm vụ bồi thường, hỗ trợ, tái định cư.

Bước 3. *Thành lập Hội đồng Bồi thường, hỗ trợ, tái định cư và Tổ công tác (Điểm c K2 Đ86 Luật đất đai 2024; Điểm a K2 Đ5 ND số 151/2025/ND-CP)*

Đơn vị thực hiện nhiệm vụ BT, HT, TĐC trình Phòng Kinh tế/ Kinh tế - Hạ tầng và Đô thị tham mưu Chủ tịch UBND xã/phường quyết định thành lập Hội đồng Bồi thường, hỗ trợ, tái định cư và Tổ công tác

Bước 4. *Ban hành Quyết định phê duyệt dự toán chi phí phục vụ bồi thường, hỗ trợ, tái định cư (Đ27, 28 ND số 88; Điểm a K2 Đ5 ND số 10/2021/ND-CP được sửa đổi bởi K1 Đ10 ND số 35/2023/ND-CP; K4 Đ22 Quyết định số 56/2024/QĐ-UBND)*

- Chủ đầu tư lập, trình phê duyệt dự toán chi phí cắm mốc, đo đạc lập hồ sơ kỹ thuật thửa đất, bản đồ phục vụ công tác GPMB; Chi phí đảm bảo cho việc tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ và tái định cư; Chi phí tư vấn xác định mức đền bù đối với công trình hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội do GPMB;

- Phòng Kinh tế/ Kinh tế - Hạ tầng và Đô thị thẩm định dự toán chi phí phục vụ bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, trình Chủ tịch UBND xã/phường phê duyệt dự toán chi phí phục vụ bồi thường, hỗ trợ, tái định cư.

Bước 5. *Xây dựng kế hoạch thu hồi đất (Đ28 ND số 102/2024/ND-CP; Mục IV phần II Phụ lục I ND số 151/2025/ND-CP):*

Đơn vị, tổ chức có trách nhiệm thực hiện nhiệm vụ bồi thường, hỗ trợ, tái định cư chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan xem xét các căn cứ, điều kiện thu hồi đất quy định tại Điều 80 Luật Đất đai để xây dựng kế hoạch thu hồi đất.

Bước 6. Tổ chức họp với người có đất trong khu vực thu hồi (K1 Đ87 Luật Đất đai 2024):

Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có đất thu hồi chủ trì phối hợp với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cùng cấp, đơn vị, tổ chức thực hiện nhiệm vụ bồi thường, hỗ trợ, tái định cư và các cơ quan có liên quan, tổ chức họp với người có đất trong khu vực thu hồi để phổ biến, tiếp nhận ý kiến về các nội dung liên quan đến việc thu hồi đất bồi thường, hỗ trợ, tái định cư của dự án.

Bước 7. Thông báo thu hồi đất và gửi Thông báo thu hồi đất (K2 Đ87 Luật Đất đai 2024):

- Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã ban hành thông báo thu hồi đất (Điểm a K2, Đ87 Luật đất đai 2024; Điểm c K1, Đ5 NĐ số 151/2025/NĐ-CP).

- Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có đất thu hồi gửi thông báo thu hồi đất đến từng người có đất thu hồi, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan (nếu có), đồng thời niêm yết thông báo thu hồi đất và danh sách người có đất thu hồi trên địa bàn quản lý (Điểm b K2, Đ87 Luật đất đai 2024).

Trường hợp không liên lạc được, không gửi được thông báo thu hồi đất cho người có đất thu hồi, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan (nếu có) thì thông báo trên một trong các báo hàng ngày của trung ương và cấp tỉnh trong 03 số liên tiếp và phát sóng trên đài phát thanh hoặc truyền hình của trung ương và cấp tỉnh 03 lần trong 03 ngày liên tiếp; niêm yết tại trụ sở Ủy ban nhân dân cấp xã, địa điểm sinh hoạt chung của khu dân cư nơi có đất thu hồi, đăng tải lên cổng thông tin điện tử của Ủy ban nhân dân cấp xã trong suốt thời gian bồi thường, hỗ trợ, tái định cư mà không phải gửi thông báo thu hồi đất lại (Điểm b K2, Đ87 Luật đất đai 2024).

Bước 8. Điều tra, khảo sát, đo đạc, kiểm đếm (K2 Đ87 Luật Đất đai 2024; Mục IV phần II Phụ lục I NĐ số 151/2025/NĐ-CP):

- Đơn vị, tổ chức thực hiện nhiệm vụ bồi thường, hỗ trợ, tái định cư chủ trì, phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có đất thu hồi, các cơ quan có liên quan và người có đất thu hồi thực hiện việc điều tra, khảo sát, ghi nhận hiện trạng, đo đạc, kiểm đếm, thống kê, phân loại diện tích đất thu hồi và tài sản gắn liền với đất thu hồi; xác định nguồn gốc đất thu hồi và tài sản gắn liền với đất thu hồi;

- Đơn vị, tổ chức thực hiện nhiệm vụ bồi thường, hỗ trợ, tái định cư chủ trì, phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có đất thu hồi điều tra, xác định, thống kê đầy đủ các thiệt hại thực tế về quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất thu hồi; xác định người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan; thu nhập từ việc sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất thu hồi, nguyện vọng tái định cư, chuyển đổi nghề;

- Trường hợp người có đất thu hồi, chủ sở hữu tài sản không phối hợp trong việc

điều tra, khảo sát, đo đạc, kiểm đếm thì thực hiện như sau (Điểm đ K2 Đ87, K3Đ88 Luật đất đai 2024; Điểm b,c K2 Đ5 NĐ số 151/2025/NĐ-CP):

+ Ủy ban nhân dân cấp xã chủ trì, phối hợp với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã nơi có đất thu hồi và đơn vị, tổ chức thực hiện nhiệm vụ bồi thường, hỗ trợ, tái định cư vận động, thuyết phục để tạo sự đồng thuận trong thực hiện điều tra, khảo sát, đo đạc, kiểm đếm. Việc tổ chức vận động, thuyết phục được tiến hành trong thời gian 15 ngày và phải được thể hiện bằng văn bản.

+ Quá thời hạn 10 ngày kể từ ngày kết thúc vận động, thuyết phục mà người có đất thu hồi vẫn không phối hợp điều tra, khảo sát, đo đạc, kiểm đếm thì Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã ban hành quyết định kiểm đếm bắt buộc. Người có đất thu hồi có trách nhiệm thực hiện quyết định kiểm đếm bắt buộc.

+ Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã ban hành quyết định cưỡng chế thực hiện quyết định kiểm đếm bắt buộc đối với trường hợp người có đất thu hồi, chủ sở hữu tài sản không chấp hành quyết định kiểm đếm bắt buộc và tổ chức thực hiện cưỡng chế theo quy định.

Bước 9. Lập phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư (Điểm aK3 Đ87 Luật Đất đai 2024):

Đơn vị, tổ chức thực hiện nhiệm vụ bồi thường, hỗ trợ, tái định cư có trách nhiệm lập phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư.

Bước 10. Niêm yết công khai phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư (Điểm a K3 Đ87; K1,2 Đ111 Luật Đất đai 2024):

Đơn vị, tổ chức thực hiện nhiệm vụ bồi thường, hỗ trợ, tái định cư phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có đất thu hồi niêm yết công khai phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư tại trụ sở Ủy ban nhân dân cấp xã, địa điểm sinh hoạt chung của khu dân cư nơi có đất thu hồi trong thời hạn 30 ngày.

Bước 11. Lấy ý kiến về phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư (Điểm a K3 Đ87 Luật Đất đai 2024):

Ngay sau khi hết thời hạn niêm yết công khai, tổ chức lấy ý kiến về phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư theo hình thức tổ chức họp trực tiếp với người dân trong khu vực có đất thu hồi. Trường hợp người có đất thu hồi, chủ sở hữu tài sản không tham gia họp trực tiếp có lý do chính đáng thì gửi ý kiến bằng văn bản.

Việc tổ chức lấy ý kiến phải được lập thành biên bản, ghi rõ số lượng ý kiến đồng ý, số lượng ý kiến không đồng ý, số lượng ý kiến khác đối với phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư; tiếp thu, giải trình ý kiến góp ý; có xác nhận của đại diện Ủy ban nhân dân cấp xã, đại diện những người có đất thu hồi.

Trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày tổ chức lấy ý kiến, đơn vị, tổ chức thực hiện

nhiệm vụ bồi thường, hỗ trợ, tái định cư có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có đất thu hồi tổ chức đối thoại trong trường hợp còn có ý kiến không đồng ý về phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư; đơn vị, tổ chức thực hiện nhiệm vụ bồi thường, hỗ trợ, tái định cư tiếp thu, giải trình ý kiến góp ý về dự thảo phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư; hoàn chỉnh phương án để trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã.

Bước 12. Thẩm định phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư (K3 Đ3 NĐ số 88/2024/NĐ-CP):

- Việc thẩm định phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư thực hiện như sau:

+ Đơn vị, tổ chức thực hiện nhiệm vụ bồi thường, hỗ trợ, tái định cư gửi hồ sơ thẩm định đến Phòng Kinh tế/Kinh tế - Hạ tầng và Đô thị xã/phường;

+ Trong thời hạn không quá 30 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ của đơn vị, tổ chức thực hiện nhiệm vụ bồi thường, hỗ trợ, tái định cư gửi đến, Phòng Kinh tế/Kinh tế - Hạ tầng và Đô thị xã/phường chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan thẩm định phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư trước khi trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư.

+ Nội dung thẩm định bao gồm: việc tuân thủ quy định pháp luật về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư; trình tự, thủ tục bồi thường, hỗ trợ, tái định cư và các nội dung khác có liên quan đến phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư.

Bước 13. Quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư (Điểm c K3 Đ87 Luật đất đai 2024; K3 Đ3 NĐ số 88/2024/NĐ-CP; Điểm d K1 Đ5 NĐ số 151/2025/NĐ-CP):

Phòng Kinh tế/Kinh tế - Hạ tầng và Đô thị xã/phường trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư.

Bước 14. Phổ biến, niêm yết công khai quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư (Điểm a K4 Đ87 Luật đất đai 2024):

Đơn vị, tổ chức thực hiện nhiệm vụ bồi thường, hỗ trợ, tái định cư phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp xã phổ biến, niêm yết công khai quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư tại trụ sở Ủy ban nhân dân cấp xã và địa điểm sinh hoạt chung của khu dân cư nơi có đất thu hồi.

Bước 15. Gửi phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư:

Đơn vị, tổ chức thực hiện nhiệm vụ bồi thường, hỗ trợ, tái định cư gửi phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư đã được phê duyệt đến từng người có đất thu hồi, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan trong đó ghi rõ về mức bồi thường, hỗ trợ, bố trí nhà hoặc đất tái định cư (nếu có), thời gian, địa điểm chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ; thời gian bố trí nhà hoặc đất tái định cư (nếu có) và thời gian bàn giao

đất đã thu hồi cho đơn vị, tổ chức thực hiện nhiệm vụ bồi thường, hỗ trợ, tái định cư.

Bước 16. *Thực hiện bồi thường, hỗ trợ, bố trí tái định cư (Điểm c K4 Đ87, K 3 Đ94 Luật đất đai 2024):*

Đơn vị, tổ chức thực hiện nhiệm vụ bồi thường, hỗ trợ, tái định cư thực hiện việc bồi thường, hỗ trợ, bố trí tái định cư theo phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư đã được phê duyệt.

Bước 17. *Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã ban hành quyết định thu hồi đất theo quy định (K5 Đ87 Luật đất đai 2024; Điểm b K1 Đ5 ND số 151/2025/ND-CP).*

Bước 18. *Trường hợp người có đất thu hồi, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất không đồng ý hoặc không phối hợp thực hiện phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư đã phê duyệt thì thực hiện như sau (K6 Đ87 Luật đất đai 2024; Điểm b K1 Đ5 ND số 151/2025/ND-CP):*

- Ủy ban nhân dân cấp xã chủ trì, phối hợp với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã nơi có đất thu hồi và đơn vị, tổ chức thực hiện nhiệm vụ bồi thường, hỗ trợ, tái định cư vận động, thuyết phục để tạo sự đồng thuận trong thực hiện phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư. Việc tổ chức vận động, thuyết phục được tiến hành trong thời gian 10 ngày và phải được thể hiện bằng văn bản;

- Quá thời hạn 10 ngày kể từ ngày kết thúc vận động, thuyết phục mà người có đất thu hồi vẫn không đồng ý hoặc không phối hợp thực hiện thì Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã ban hành quyết định thu hồi đất.

Bước 19. *Trường hợp người có đất thu hồi, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan không bàn giao đất cho đơn vị, tổ chức thực hiện nhiệm vụ bồi thường, hỗ trợ, tái định cư thì thực hiện như sau (K7 Đ87 Luật đất đai 2024; K3,4,5 Đ89 Luật đất đai 2024; Điểm d K2 Đ5 ND số 151/ 2025/ND-CP):*

- Ủy ban nhân dân cấp xã chủ trì, phối hợp với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã nơi có đất thu hồi và đơn vị, tổ chức thực hiện nhiệm vụ bồi thường, hỗ trợ, tái định cư vận động, thuyết phục để người có đất thu hồi, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bàn giao đất cho đơn vị, tổ chức thực hiện nhiệm vụ bồi thường, hỗ trợ, tái định cư. Việc tổ chức vận động, thuyết phục được tiến hành trong thời gian 10 ngày và phải được thể hiện bằng văn bản;

- Quá thời hạn 10 ngày kể từ ngày kết thúc vận động, thuyết phục mà người có đất thu hồi vẫn không chấp hành việc bàn giao đất cho đơn vị, tổ chức thực hiện nhiệm vụ bồi thường, hỗ trợ, tái định cư thì Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã ban hành quyết định cưỡng chế thu hồi đất và tổ chức thực hiện việc cưỡng chế theo quy định tại Điều 89 của Luật Đất đai.

Bước 20. *Quản lý đất đã được thu hồi:*

Tổ chức phát triển quỹ đất, Chi nhánh Tổ chức phát triển quỹ đất khu vực, Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm quản lý đất đã được thu hồi trong khi chưa giao đất, cho thuê đất theo quy định tại khoản 5 Điều 86 của Luật Đất đai.

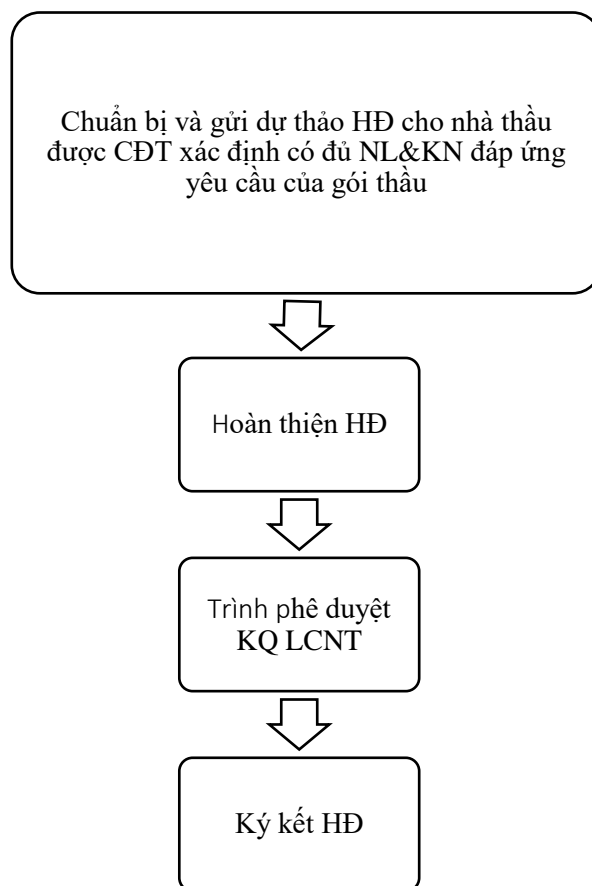
Bước 21. *Quyết toán hoàn thành chi phí phục vụ bồi thường, hỗ trợ và chi phí do GPMB để xây dựng công trình (K7 Đ 27 ND số 88/2024/ND-CP):*

Phụ lục 3

QUY TRÌNH LỰA CHỌN NHÀ THẦU

1. Quy trình chỉ định thầu rút gọn (trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bắt đầu thực hiện gói thầu, các bên phải hoàn thiện thủ tục chỉ định thầu).

a. Sơ đồ tổng quát

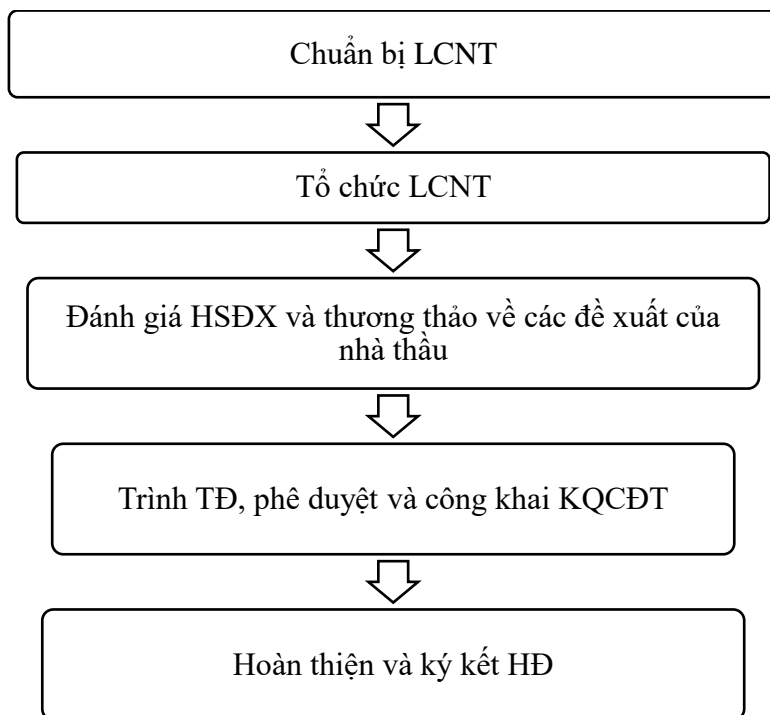


b. Quy trình chi tiết

TT	Nội dung thực hiện	Đơn vị thực hiện	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
1	Chuẩn bị và gửi dự thảo HĐ cho nhà thầu được CĐT xác định có đủ NL&KN đáp ứng yêu cầu của gói thầu	CĐT	- Đ80 NĐ số 214	
2	Hoàn thiện HĐ	CĐT và nhà thầu		
3	Trình, phê duyệt KQLCNT	CĐT		
4	Ký kết HĐ	CĐT và nhà thầu		
5	Quản lý thực hiện Hợp đồng	CĐT		

2. Quy trình chỉ định thầu thông thường áp dụng trong trường hợp chỉ có một nhà thầu được xác định để nhận hồ sơ yêu cầu (Việc chỉ định thầu phải được thực hiện trong thời hạn không quá 45 ngày kể từ ngày phê duyệt HS y/c cầu đến ngày ký kết HĐ; trường hợp gói thầu có quy mô lớn, phức tạp không quá 90 ngày)

a. Sơ đồ tổng quát



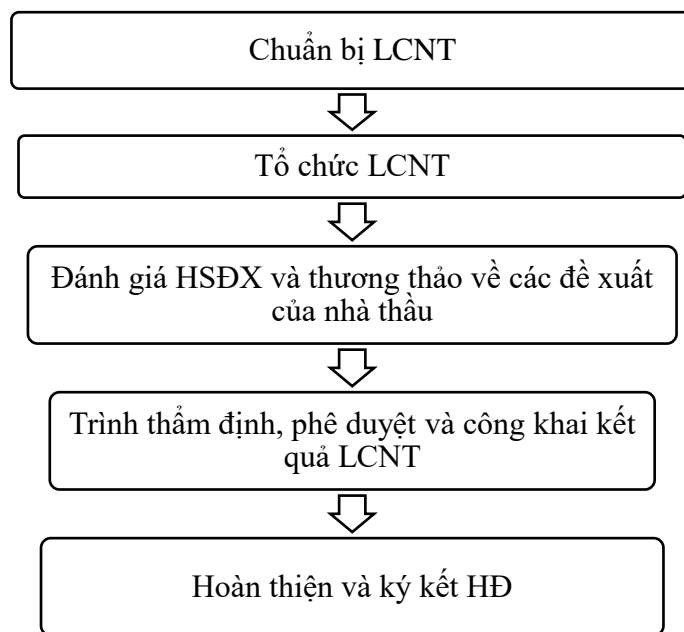
b. Quy trình chi tiết

TT	Nội dung thực hiện	Đơn vị thực hiện	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
Bước 1: Chuẩn bị LCNT				
1	Lập HSYC	Tổ chuyên gia	Khoản 3 Điều 79 NĐ 214	
2	Trình thẩm định, phê duyệt HSYC	CĐT		
3	Xác định nhà thầu dự kiến được mời nhận HSYC	CĐT		
Bước 2: Tổ chức LCNT				
1	Phát hành HSYC	CĐT	Khoản 3 Điều 79 NĐ 214	
2	Chuẩn bị và nộp HSDX	Nhà thầu		
Bước 3: Đánh giá Hồ sơ đề xuất và thương thảo về các đề xuất của nhà thầu				

TT	Nội dung thực hiện	Đơn vị thực hiện	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
1	Đánh giá HSDX và thương thảo các đề xuất của nhà thầu	CĐT và nhà thầu	Khoản 3 Điều 79 NB 214	
Bước 4: Trình thẩm định, phê duyệt và công khai kết quả chỉ định thầu				
1	Trình thẩm định, phê duyệt và công khai kết quả chỉ định thầu	CĐT	Khoản 3 Điều 79 NB 214	
Bước 5: Hoàn thiện và ký kết HĐ				
1	Hoàn thiện, ký kết và quản lý thực hiện HĐ	CĐT và nhà thầu	Khoản 3 Điều 79 NB 214	

3. Quy trình chào hàng cạnh tranh qua mạng, phương thức một giai đoạn một túi hồ sơ

a. Sơ đồ tổng quát



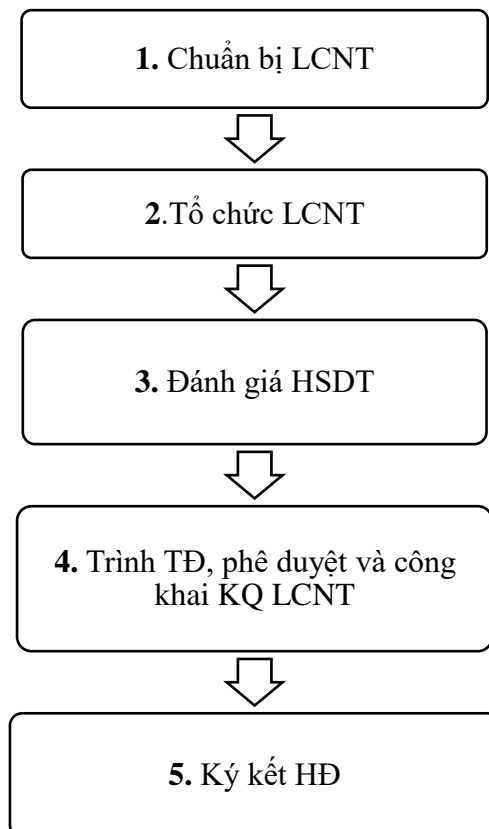
b. Quy trình chi tiết

TT	Nội dung thực hiện	Đơn vị thực hiện	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
Bước 1: Chuẩn bị LCNT				
1	Lập E-HSMT	Tổ chuyên gia	Điều 81 NB 214	
2	Phê duyệt E-HSMT	Đơn vị thẩm định, CĐT		

TT	Nội dung thực hiện	Đơn vị thực hiện	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
Bước 2: Tổ chức LCNT				
1	Đăng tải E-TBMT và phát hành E-HSMT trực tiếp trên HTMĐTQG	CĐT	Điều 81 NĐ 214	
2	Sửa đổi, làm rõ E-HSMT trực tiếp trên HTMĐTQG	CĐT		
3	Nộp E-HSDT trực tiếp trên HTMĐTQG	Nhà thầu		
4	Mở thầu	CĐT		
Bước 3: Đánh giá E-HSDT và thương thảo HĐ				
1	Đánh giá E-HSDT	CĐT, Tổ chuyên gia	Điều 81 NĐ 214	
Bước 4: Trình, thẩm định, phê duyệt và công khai kết quả LCNT				
1	Trình thẩm định, phê duyệt và công khai KQ LCNT	CĐT, Đơn vị thẩm định, CĐT	Điều 81 NĐ 214	
Bước 5: Hoàn thiện và ký kết HĐ				
1	Hoàn thiện và ký kết HĐ	CĐT và nhà thầu	Điều 81 NĐ 214	

4. Quy trình Đấu thầu rộng rãi, hạn chế không qua mạng, phương thức một giai đoạn một túi hồ sơ

a. Sơ đồ tổng quát



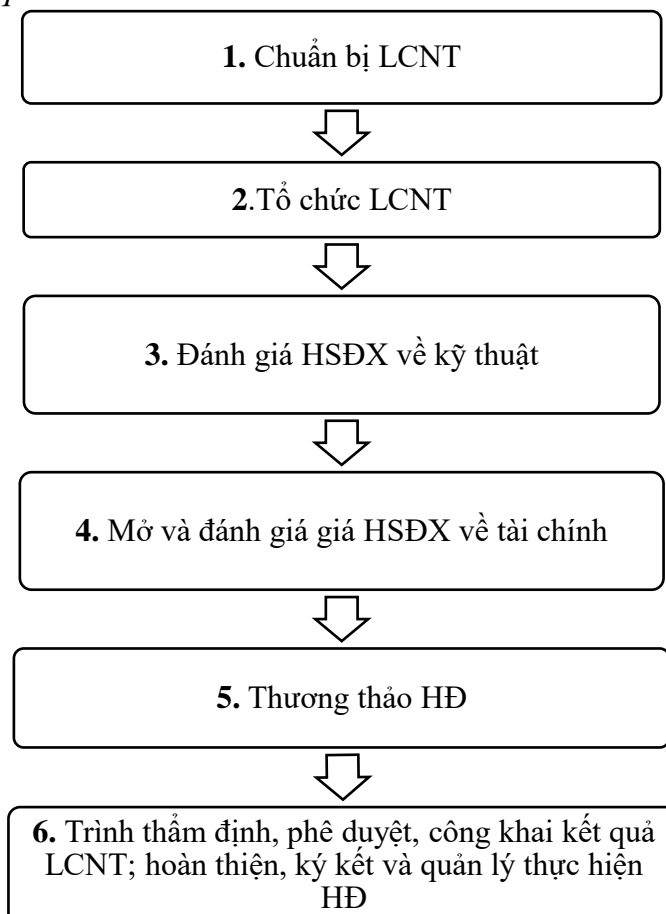
b. Quy trình chi tiết

TT	Nội dung thực hiện	Đơn vị thực hiện	Điều, khoản áp dụng	Ghi chú
Bước 1: Chuẩn bị LCNT				
1	Lựa chọn danh sách ngắn (nếu cần, Người có thẩm quyền quyết định và phải được ghi trong KH LCNT) * Quy trình các bước sơ tuyển lựa chọn danh sách ngắn: 1. Lập HSMST; 2. Thẩm định, phê duyệt HSMST 3. TB MST 4. Phát hành HSMST 5. Tiếp nhận và quản lý HSDST 6. Mở và đánh giá HSDST 7. Trình TĐ và phê duyệt KQST 8. Công khai DS ngắn. * Trường hợp đấu thầu hạn chế: Xác định DS ngắn tối thiểu 03 nhà thầu có NL,KN đáp ứng y/c của gói thầu.	CĐT	- Điều 24, 25 NĐ 214	
2	Lập HSMT * Đối với ĐTQM, Tổ chuyên gia đăng nhập vào HT sau đó chọn mục “Hàng hóa” hoặc “Xây lắp” hoặc “Dịch vụ phi tư vấn” tương ứng để lập E-TBMT và các nội dung khác của E- HSMT. Sau khi lập xong E- HSMT, Tổ chuyên gia in E- HSMT trình CĐT tổ chức TĐ, phê duyệt	Tổ chuyên gia	Điều 26 NĐ 214	
3	Thẩm định và phê duyệt HSMT	Tổ thẩm định	Điều 27 NĐ 214	
Bước 2: Tổ chức LCNT				
1	Thông báo mời thầu (áp dụng đối với trường hợp không áp dụng thủ tục lựa chọn danh sách ngắn; trường hợp gói thầu áp dụng thủ tục lựa chọn danh sách ngắn, thư mời thầu gửi đến các nhà thầu có tên trong DS ngắn)	CĐT	Điều 28 NĐ 214	
2	Phát hành, sửa đổi, làm rõ HSMT * HSMT được phát hành trên HT mạng đấu thầu quốc gia	CĐT	Điều 30 NĐ 214	
3	Chuẩn bị HSDT, nộp, tiếp nhận, quản lý, sửa đổi, rút HSDT	Nhà thầu		Mẫu số 66
4	Mở thầu: Tiến hành công khai và bắt đầu ngay trong vòng 01 giờ, kể từ thời điểm đóng thầu.	CĐT, Nhà thầu		Mẫu số 67
Bước 3: Đánh giá HSDT				
1	Làm rõ HSDT	CĐT, Nhà thầu	Điều 32 NĐ số 214;	
2	Sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch	Nhà thầu,		

TT	Nội dung thực hiện	Đơn vị thực hiện	Điều, khoản áp dụng	Ghi chú
		CDT		
3	Kiểm tra tính hợp lệ của HSDT	Tổ chuyên gia đấu thầu		
4	Đánh giá tính hợp lệ của HSDT	Tổ chuyên gia đấu thầu		
5	Đánh giá về NLKN	Tổ chuyên gia đấu thầu		
6	Đánh giá về kỹ thuật và tài chính	Tổ chuyên gia đấu thầu		
7	Báo cáo đánh giá HSDT	Tổ chuyên gia đấu thầu		
8	Trình, thẩm định, phê duyệt và công khai kết quả LCNT	CDT	Điều 33 NBĐ số 214;	
Bước 4: Hoàn thiện, ký kết hợp đồng				
1	Thông báo mời nhà thầu trúng thầu đến hoàn thiện Hợp đồng	CDT, Nhà thầu trúng thầu	Điều 34 NBĐ số 214;	
2	Ký kết Hợp đồng	CDT và nhà thầu		
Bước 5: Quản lý thực hiện Hợp đồng				
1	Quản lý thực hiện Hợp đồng	CDT và nhà thầu	Điều 35 NBĐ số 214;	
2	Công khai kết quả thực hiện Hợp đồng trên Hệ thống MĐTQG	CDT		

4. Quy trình đấu thầu rộng rãi, đấu thầu hạn chế không qua mạng, phương thức một giai đoạn hai túi hồ sơ.

a) Sơ đồ tổng quát



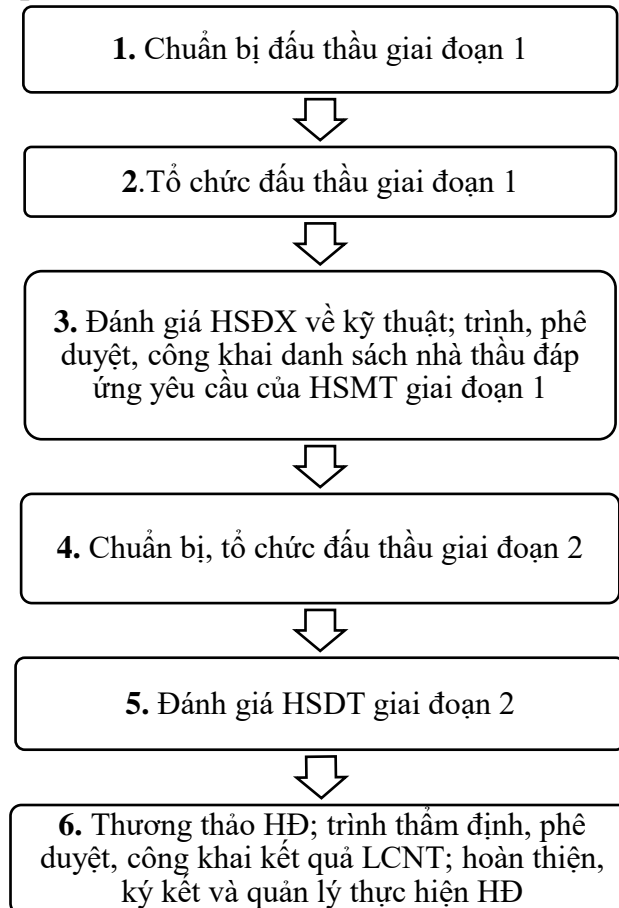
b) Quy trình chi tiết:

TT	Nội dung thực hiện	Đơn vị thực hiện	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
Bước 1: Chuẩn bị LCNT				
1	Lựa chọn DS ngắn (nếu cần thiết)	CĐT	Điều 36 NĐ số 214	
2	Lập HSMT	Tổ chuyên gia		
3	Thẩm định và phê duyệt HSMT	Tổ thẩm định, và CĐT		
Bước 2: Tổ chức LCNT				
1	Thông báo mời thầu (TB mời thầu áp dụng đối trường hợp không tiến hành lựa chọn DS ngắn; hoặc gửi thư mời đến nhà thầu có tên trong DS ngắn)	CĐT	Điều 36 NĐ số 214	
2	Phát hành, sửa đổi, làm rõ HSMT	CĐT		
3	Chuẩn bị, nộp, tiếp nhận, quản lý, sửa đổi, rút HSDT	Nhà thầu, CĐT		
4	Mở HSDX về kỹ thuật Tiến hành công khai và bắt đầu ngay trong vòng 02 giờ, kể từ thời điểm đóng thầu	CĐT, các nhà thầu		Mẫu số 72
Bước 3: Đánh giá HSDX về kỹ thuật				
1	Làm rõ HSDT và sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch (nếu có).	CĐT, Nhà thầu	Điều 36 NĐ số 214;	
2	Kiểm tra và đánh giá HSDX về kỹ thuật			
a	Đánh giá tính hợp lệ của HSDX về kỹ thuật	Tổ chuyên gia đấu thầu	Điều 36 NĐ số 214;	
b	Đánh giá về NLKN			
c	Đánh giá về kỹ thuật			Mẫu số 73
d	Trình, thẩm định và phê duyệt KQĐG về kỹ thuật	CĐT, CĐT		Mẫu số 74
đ	Thông báo kết quả đánh giá HSDX về kỹ thuật và đăng tải danh sách nhà thầu đáp ứng về kỹ thuật trên Hệ thống mạng ĐTQG	CĐT	Điều 36 NĐ số 214;	Mẫu số 75
Bước 4: Mở và đánh giá HSDX về tài chính				

TT	Nội dung thực hiện	Đơn vị thực hiện	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
1	Mở HSDX về tài chính (BB mở thầu phải được đăng tải trên hệ thống mạng ĐTQG trong thời hạn 24h kể từ thời điểm mở thầu)	CĐT, Nhà thầu	Điều 36 NBĐ số 214;	
2	Kiểm tra, đánh giá tính hợp lệ của HSDX về tài chính	Tổ chuyên gia đấu thầu		
3	Đánh giá chi tiết HSDX về tài chính và lập báo cáo gửi CĐT	Tổ chuyên gia đấu thầu		
Bước 5: Thương thảo HĐ				
1	Bên mời thầu mời nhà thầu xếp hạng thứ nhất đến thương thảo HĐ	CĐT	Điều 36 NBĐ số 214;	
2	Thương thảo HĐ	CĐT và nhà thầu		
Bước 6: Trình thẩm định, phê duyệt, công khai kết quả LCNT; hoàn thiện, ký kết và quản lý thực hiện HĐ				
1	Trình thẩm định, phê duyệt và công khai kết quả LCNT	CĐT	Điều 36 NBĐ số 214;	
2	Hoàn thiện, ký kết và quản lý thực hiện HĐ	CĐT và Nhà thầu trung thầu		

5. Quy trình đấu thầu rộng rãi, hạn chế không qua mạng; phương thức hai giai đoạn một túi hồ sơ

a) Sơ đồ tổng quát:

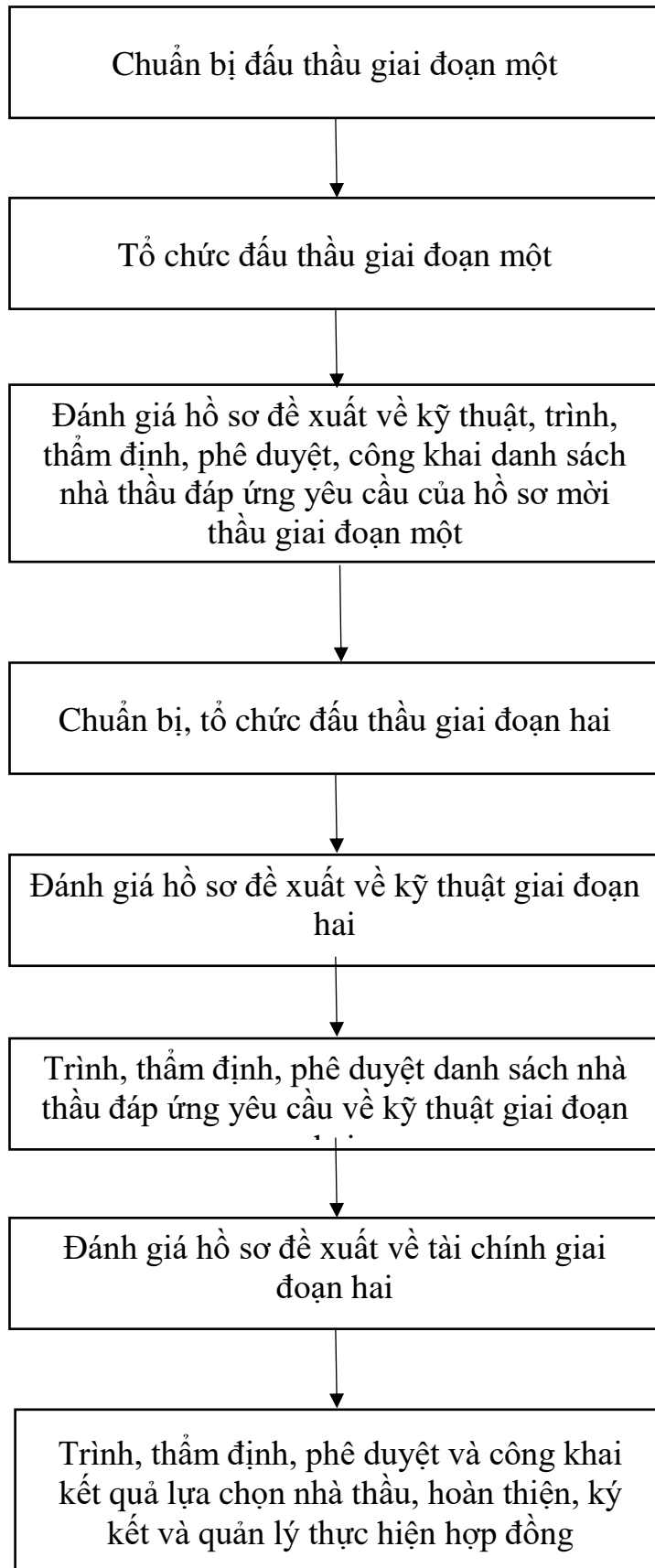


b) Quy trình chi tiết:

TT	Nội dung thực hiện	Đơn vị thực hiện	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
Bước 1: Chuẩn bị đấu thầu giai đoạn 1				
1	Lựa chọn DS ngắn (nếu cần thiết)	CĐT	Điều 47 NĐ số 214;	Mẫu số 71
2	Lập HSMT giai đoạn 1	CĐT		
3	Thẩm định và phê duyệt HSMT	Tổ thẩm định, và CĐT		
Bước 2: Tổ chức đấu thầu giai đoạn 1				
1	Mời thầu giai đoạn 1 thực hiện theo K1 Điều 26 NĐ 24	CĐT	Điều 48 NĐ số 214;	
2	Phát hành, sửa đổi, làm rõ HSMT	CĐT		
3	Chuẩn bị, nộp, tiếp nhận, quản lý, sửa đổi, rút HSDT	Nhà thầu, CĐT		
4	Mở HSDX về kỹ thuật	CĐT, các nhà thầu		
Bước 3: Đánh giá HSDX về kỹ thuật; trình phê duyệt, công khai danh sách nhà thầu đáp ứng yêu cầu của HSMT giai đoạn 1				
1	Đánh giá HSDT	Tổ chuyên gia	Điều 49 NĐ số 214;	
2	Làm rõ HSDT	CĐT, các nhà thầu		
3	Trình, thẩm định, phê duyệt, công khai danh sách nhà thầu đáp ứng yêu cầu của HSMT giai đoạn 1; đăng tải trên Hệ thống MĐTQG chậm nhất 05 ngày kể từ ngày phê duyệt	CĐT		
Bước 4: Chuẩn bị, tổ chức đấu thầu giai đoạn 2				
1	Trao đổi về HSDT giai đoạn 1	CĐT, các nhà thầu	Điều 50 NĐ số 214;	
2	Lập HSMT giai đoạn 2	CĐT		
3	Thẩm định và phê duyệt HSMT	Tổ chuyên gia, và CĐT		
4	Tổ chức đấu thầu			
a	Phát hành HSMT giai đoạn 2 cho các nhà thầu trong danh sách nhà thầu đáp ứng yêu cầu của HSMT giai đoạn 1	CĐT, các nhà thầu		
b	Chuẩn bị, nộp, tiếp nhận, quản lý, sửa đổi, rút hồ sơ dự thầu			

TT	Nội dung thực hiện	Đơn vị thực hiện	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
5	Mở thầu	CĐT, các nhà thầu		
Bước 5: Đánh giá HSDT giai đoạn 2				
1	Nguyên tắc đánh giá HSDT	CĐT	Điều 51 NĐ số 214	
2	Làm rõ HSDT	CĐT, các nhà thầu		
3	Sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch HSDT	CĐT, các nhà thầu		
4	Đánh giá HSDT	Tổ chuyên gia, CĐT		
Bước 6: Thương thảo HĐ; trình thẩm định, phê duyệt, công khai kết quả LCNT; hoàn thiện, ký kết và quản lý thực hiện HĐ				
1	CĐT mời nhà thầu xếp hạng thứ nhất đến thương thảo HĐ	CĐT và nhà thầu	Điều 52 NĐ số 214;	
2	Thương thảo HĐ			
3	Trình thẩm định, phê duyệt và công khai kết quả LCNT	CĐT		
4	Hoàn thiện, ký kết và QL thực hiện HĐ	CĐT và Nhà thầu trúng thầu		

6. Quy trình đấu thầu rộng rãi trong nước, phương thức 2 giai đoạn hai túi hồ sơ
a) Sơ đồ tổng quát:



b) Quy trình chi tiết:

TT	Nội dung thực hiện	Đơn vị thực hiện	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
Bước 1: Chuẩn bị đấu thầu giai đoạn 1				
1	Lựa chọn DS ngắn (nếu cần thiết)	CĐT	Điều 53 NĐ số 214;	
2	Lập HSMT giai đoạn 1	CĐT		
3	Thẩm định và phê duyệt HSMT	Tổ thẩm định, và CĐT		
Bước 2: Tổ chức đấu thầu giai đoạn 1				
1	Mời thầu giai đoạn 1 thực hiện theo K1 Điều 54 NĐ 214	CĐT	Điều 54 NĐ số 214;	
2	Phát hành, sửa đổi, làm rõ HSMT	CĐT		
3	Chuẩn bị, nộp, tiếp nhận, quản lý, sửa đổi, rút HSDT	Nhà thầu, CĐT		
4	Mở HSDX về kỹ thuật	CĐT, các nhà thầu		
Bước 3: Đánh giá hồ sơ đề xuất về kỹ thuật, trình, thẩm định, phê duyệt, công khai danh sách nhà thầu đáp ứng yêu cầu của hồ sơ mời thầu giai đoạn một				
1	Đánh giá HSDT	Tổ chuyên gia	Điều 55 NĐ số 214;	
2	Làm rõ HSDT	CĐT, các nhà thầu		
3	Trình thẩm định, phê duyệt, công khai danh sách nhà thầu đáp ứng yêu cầu của HSMT giai đoạn 1; đăng tải trên Hệ thống MĐTQG chậm nhất 05 ngày kể từ ngày phê duyệt	CĐT		
Bước 4: Chuẩn bị, tổ chức đấu thầu giai đoạn hai				
1	Trao đổi về HSDT giai đoạn 1	CĐT, các nhà thầu	Điều 56 NĐ số 214;	
2	Lập HSMT giai đoạn 2	CĐT		
3	Thẩm định và phê duyệt HSMT	Tổ chuyên gia, và CĐT		
4	Tổ chức đấu thầu			
a	Phát hành HSMT giai đoạn 2 cho các nhà thầu trong danh sách nhà thầu đáp ứng yêu cầu của HSMT giai đoạn 1	CĐT, các nhà thầu		
b	Chuẩn bị, nộp, tiếp nhận, quản lý, sửa đổi, rút hồ sơ dự thầu			

TT	Nội dung thực hiện	Đơn vị thực hiện	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
5	Mở thầu	CĐT, các nhà thầu		
Bước 5: Đánh giá hồ sơ đề xuất về kỹ thuật giai đoạn hai				
1	Nguyên tắc đánh giá HSDT	CĐT		
2	Làm rõ HSDT	CĐT, các nhà thầu	Điều 57 NĐ số 214;	
Bước 6: Trình, thẩm định, phê duyệt DS nhà thầu đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật giai đoạn hai				
1	Trình thẩm định, phê duyệt DS nhà thầu đáp ứng y/c về kỹ thuật giai đoạn	CĐT, CĐT		
2	Đăng tải danh sách các nhà thầu đáp ứng y/c về kỹ thuật trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia	CĐT	Điều 58 NĐ số 214;	
Bước 7: Đánh giá hồ sơ đề xuất về tài chính giai đoạn hai				
1	Nguyên tắc đánh giá hồ sơ dự thầu	CĐT		
2	Làm rõ hồ sơ dự thầu	CĐT và nhà thầu	Điều 59 NĐ số 214;	
3	Sửa lỗi và hiệu chỉnh sai lệch	CĐT và nhà thầu		
4	Đánh giá hồ sơ đề xuất về tài chính	CĐT		
Bước 8: Trình, thẩm định, phê duyệt và công khai kết quả lựa chọn nhà thầu, hoàn thiện, ký kết và quản lý thực hiện hợp đồng				
1	Chủ đầu tư mời nhà thầu xếp hạng thứ nhất đến thương thảo HĐ	CĐT và nhà thầu	Điều 60 NĐ số 214;	
2	Thương thảo HĐ			
3	Trình thẩm định, phê duyệt và công khai kết quả LCNT	CĐT		
4	Hoàn thiện, ký kết và QL thực hiện HĐ	CĐT và Nhà thầu trúng thầu		